BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**VỤ GIÁO DỤC TRUNG HỌC**

địa chỉ và gợi ý cách tích hợp giáo dục quyền con người vào chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

**Hà Nội – 2023**

3.2.1. Lớp 10

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Yêu cần cần đạt** | **Gợi ý tích hợp  quyền con ngươi** |
| 1 | Nền kinh tế và các chủ thể của nền kinh tế | - Nêu được vai trò của các hoạt động kinh tế trong đời sống xã hội.  - Nhận biết được vai trò của các chủ thể tham gia trong nền kinh tế.  - Nhận diện được vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là một chủ thể tham gia trong nền kinh tế.  - Nhận biết được trách nhiệm của công dân trong việc tham gia vào các hoạt động kinh tế.  - Tìm tòi, học hỏi và tham gia vào các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2, 3, 4:*  - Vai trò của chủ thể trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe của con người; quyền sở hữu thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, quyền thừa kế; quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích  từ hoạt động đó.  - Vai trò của bản thân, gia đình với tư cách là một chủ thể trong việc tôn trọng, thực hiện quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ hoạt động đó. | |
| 2 | Thị trường và cơ chế thị trường | - Nêu được khái niệm thị trường, cơ chế thị trường.  - Liệt kê được các loại thị trường và chức năng của thị trường.  - Nêu được ưu điểm và nhược điểm của cơ chế thị trường.  - Hiểu được giá cả thị trường và chức năng của giá cả thị trường.  - Phê phán những hành vi không đúng khi tham gia thị trường.  - Tôn trọng tác động khách quan của cơ chế thị trường. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 5:* Phê phán những hành vi không đúng trong việc thực hiện quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh của con người. |
| 3 | Ngân sách nhà nước  và thuế | - Nêu được khái niệm ngân sách nhà nước.  - Liệt kê được đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước.  - Giải thích được vì sao nhà nước phải thu thuế.  - Gọi tên được một số loại thuế phổ biến.  - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân trong việc thực hiện pháp luật ngân sách và pháp luật thuế.  - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về thu, chi ngân sách và thuế. | *Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt 6:* Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm pháp luật về nghĩa vụ đóng thuế theo luật định. |
| 4 | Sản xuất kinh doanh và các mô hình sản xuất kinh doanh | - Nêu được vai trò của sản xuất kinh doanh.  - Nhận biết được một số mô hình sản xuất kinh doanh và đặc điểm của nó.  - Lựa chọn được mô hình kinh tế thích hợp trong tương lai đối với bản thân. | *Tích hợp liên hệ:* Quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định. |
| 5 | Tín dụng và cách sử dụng các dịch vụ tín dụng | - Nêu được khái niệm, đặc điểm và vai trò của tín dụng.  - Kể tên được một số dịch vụ tín dụng và mô tả đặc điểm của chúng.  - Nhận biết được sự chênh lệch giữa chi phí sử dụng tiền mặt và mua tín dụng.  - Biết cách sử dụng một số dịch vụ tín dụng một cách có trách nhiệm. | *Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt 4:* Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế,  xã hội. |
| 6 | Lập kế hoạch tài chính cá nhân | - Nêu được khái niệm kế hoạch tài chính cá nhân, các loại kế hoạch tài chính cá nhân và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch tài chính cá nhân.  - Nhận biết được các bước lập kế hoạch tài chính cá nhân.  - Lập được kế hoạch tài chính của cá nhân.  - Kiểm soát được tài chính cá nhân. |  |
| 7 | Hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | - Nêu được:  + Đặc điểm, cấu trúc, nguyên tắc hoạt động của hệ thống chính trị nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  + Đặc điểm, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; chức năng, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Hội đồng nhân dân,Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân.  - Phê phán, đấu tranh với những hành vi chống phá Nhà nước và hệ thống chính trị ở nước ta.  - Thực hiện được nghĩa vụ công dân trong bảo vệ, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị ở Việt Nam bằng những hành vi cụ thể, phù hợp quy định của pháp luật. | - *Tích hợp bộ phân hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1, 4:* Quyền bình đẳng trước pháp luật; bình đẳng giới và quyền của dân tộc thiểu số (tỷ lệ nam nữ, tỷ lệ người dân tộc thiểu số trong hệ thống chính trị); quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong bảo vệ, xây dựng Tổ quốc.  - *Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt 2:* Phê phán, đấu tranh với những hành vi vi vi phạm quyền chính trị. |
| 8 | Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | - Nêu được:  + Khái niệm, đặc điểm, vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội.  + Hệ thống pháp luật và văn bản pháp luật Việt Nam.  + Khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật.  - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật.  - Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2, 3:*  - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền chính trị, dân sự; quyền kinh tế, xã hội và văn hóa; quyền của nhóm xã hội dễ bị tổn thương.  - Phân tích, đánh giá được việc thực hiện pháp luật trong một số tình huống thực tiễn; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật trong việc về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người; thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội; tôn trọng quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân và của người khác. |
| 9 | Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | - Nêu được:  + Khái niệm, đặc điểm, vị trí của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.  + Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, môi trường; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; bộ máy nhà nước.  - Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp bằng những hành vi cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.  - Phê phán hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. | - *Tích hợp toàn phần yêu cầu cần đạt:* Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về quyền con người (thiết kế bài học về quy định của Hiến pháp 2013 về quyền con người).  - *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2:* Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân của bản thân và của người khác  - *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 3:* Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền dân sự; phê phán các hành vi vi phạm quyền con người, quyền công dân. |
| 1 | *Chuyên đề 10.1:* Tình yêu, hôn nhân, gia đình | - Trình bày được thế nào là tình yêu chân chính và một số điều cần tránh trong tình yêu.  - Nêu được khái niệm hôn nhân và các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn.  - Nêu được khái niệm gia đình và các chức năng của gia đình.  - Nêu được những điểm cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình ở nước ta hiện nay.  - Trình bày được các yếu tố xây dựng gia đình hạnh phúc.  - Xác định được trách nhiệm của các thành viên trong mối quan hệ gia đình.  - Thực hiện được trách nhiệm của bản thân trong gia đình. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt 4, 5, 6, 7 về:*  - Quyền kết hôn, ly hôn; quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình.  - Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền quyền kết hôn, ly hôn; quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình.  - Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền kết hôn, ly hôn; quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình; phê phán các hành vi vi phạm quyền kết hôn, ly hôn; quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình. |
| 2 | *Chuyên đề 10.2:* Mô hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ | - Nêu được thế nào là doanh nghiệp nhỏ; những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp nhỏ; các lĩnh vực kinh doanh thích hợp với doanh nghiệp nhỏ.  - Nhận biết được mục tiêu và các nhân tố ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh trong một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.  - Lập được quy trình tổ chức, hoạt động của doanh nghiệp nhỏ.  - Phân tích được những bài học thành công và thất bại trong quá trình sản xuất kinh doanh của một doanh nghiệp nhỏ cụ thể.  - Yêu thích hoạt động sản xuất kinh doanh; chủ động học hỏi quy trình sản xuất kinh doanh và những bài học thành công của doanh nghiệp. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt 2, 4:*  - Nhận biết được sự ảnh hưởng của việc tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên của con người đến đến sản xuất kinh doanh trong một doanh nghiệp. |
| 3 | *Chuyên đề 10.3:* Một số vấn đề về pháp luật hình sự | - Nêu được khái niệm, các nguyên tắc của pháp luật hình sự và nội dung cơ bản của pháp luật hình sự liên quan đến người chưa thành niên.  - Nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong các tình huống đơn giản thường gặp.  - Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản, thường gặp liên quan đến pháp luật hình sự.  - Tích cực, chủ động vận động người khác chấp hành các quy định của pháp luật hình sự. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt 2:* Về việc được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật hình sự trong việc tôn trọng quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân và của người khác. |

**3.2.2. Lớp 11**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Yêu cần cần đạt** | **Gợi ý tích hợp  quyền con ngươi** |
| 1 | Cạnh tranh, cung, cầu trong kinh tế thị trường | - Cạnh tranh:  + Nêu được khái niệm cạnh tranh.  + Giải thích được nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh.  + Phân tích được vai trò của cạnh tranh trong nền kinh tế.  + Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh.  - Cung, cầu và mối quan hệ cung - cầu:  + Nêu được khái niệm cung và các nhân tố ảnh hưởng đến cung.  + Nêu được khái niệm cầu và các nhân tố ảnh hưởng đến cầu.  + Phân tích được mối quan hệ và vai trò của quan hệ cung - cầu trong nền kinh tế.  + Phân tích được quan hệ cung - cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cụ thể. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt*: Phê phán những biểu hiện cạnh tranh không lành mạnh trong việc thực hiện quyền quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ. |
| 2 | Lạm phát, thất nghiệp | - Nêu được các khái niệm: lạm phát, thất nghiệp.  - Liệt kê được các loại hình lạm phát và thất nghiệp.  - Giải thích được nguyên nhân dẫn đến lạm phát, thất nghiệp.  - Mô tả được hậu quả của lạm phát, thất nghiệp đối với nền kinh tế và xã hội.  - Nêu được vai trò của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát, thất nghiệp.  - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi vi phạm chủ trương, chính sách của Nhà nước trong việc kiểm soát và kiềm chế lạm phát, thất nghiệp. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt 5, 6*: Nêu được chính sách của Nhà nước trong việc thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. |
| 3 | Thị trường lao động, việc làm | - Nêu được các khái niệm: lao động, việc làm, thị trường lao động, thị trường việc làm.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa thị trường lao động và thị trườngviệc làm.  - Nhận ra được xu hướng tuyển dụng lao động của thị trường.  - Xác định được trách nhiệm hoàn thiện bản thân để tham gia thị trường lao động và lựa chọn được nghề nghiệp, việc làm phù hợp. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt 4* trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. |
| 4 | Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh | - Nêu được thế nào là ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh.  - Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh.  - Nhận biết được tại sao cần có ý tưởng kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.  - Chỉ ra được các năng lực cần thiết của người kinh doanh.  - Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành; phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân. | *Tích hợp liên hệ ở yêu cầu cần đạt 4:* Chỉ ra năng lực cần thiết của người kinh doanh trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doah nghiệm nhằm đảm bảo các quyền: quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. |
| 5 | Đạo đức kinh doanh | - Nêu được quan niệm, vai trò của đạo đức kinh doanh.  - Chỉ ra được các biểu hiện của đạo đức kinh doanh.  - Biết tìm tòi, học hỏi phẩm chất đạo đức của nhà kinh doanh.  - Vận động người thân trong gia đình thực hiện đạo đức kinh doanh.  - Phê phán được những biểu hiện vi phạm đạo đức kinh doanh. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt 2, 3, 4, 5:* Thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp nhằm đảm bảo các quyền: quyền được bảo đảm an sinh quyền tự do kinh doanh; xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên. |
| 6 | Văn hóa tiêu dùng | - Nêu được vai trò của tiêu dùng đối với sự phát triển kinh tế.  - Nêu được khái niệm và vai trò của văn hóa tiêu dùng.  - Mô tả được một số đặc điểm trong văn hóa tiêu dùng Việt Nam và các biện pháp xây dựng văn hóa tiêu dùng.  - Thực hiện được các hành vi tiêu dùng có văn hóa.  - Phê phán những biểu hiện không có văn hóa trong tiêu dùng; tuyên truyền, vận động bạn bè, người thân làm người tiêu dùng có văn hóa. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ ở yêu cầu cần đạt: 4, 5:* Thực hiện quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe. |
| 7 | Quyền bình đẳng của công dân | - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về:  + Quyền bình đẳng của công dân trước pháp luật (bình đẳng về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm pháp lý).  + Bình đẳng giới trong các lĩnh vực.  + Quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.  - Nhận biết được ý nghĩa của quyền bình đẳng của công dân đối với đời sống con người và xã hội.  - Đánh giá được các hành vi vi phạm quyền bình đẳng của công dân trong các tình huống đơn giản cụ thể của đời sống thực tiễn.  - Thực hiện được quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân. | - *Tích hợp bộ phận hoặc* *yêu* *cầu cần đạt:* Bình đẳng giới trong các lĩnh vực; quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo.  - *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2:* Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền bình đẳng giới trong các lĩnh vực; quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo  - *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 3*: Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các giới trong các lĩnh vực; quyền bình đẳng giữa các dân tộc, tôn giáo. |
| 8 | Một số quyền dân chủ cơ bản của công dân | - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về:  + Quyền và nghĩa vụ công dân trong tham gia quản lý nhà nước và xã hội.  + Quyền và nghĩa vụ công dân về bầu cử và ứng cử.  + Quyền và nghĩa vụ công dân về khiếu nại, tố cáo.  + Quyền và nghĩa vụ công dân về bảo vệ Tổ quốc.  - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền dân chủ của công dân.  - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về các quyền dân chủ của công dân.  - Phân tích, đánh giá được một số hành vi thường gặp trong đời sống liên quan đến quyền dân chủ của công dân. | - *Tích hợp bộ phận: yêu cầu cần đạt 1:* Quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước; quyền biểu quyết khi nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân; quyền khiếu nại, quyền tố cáo; quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin,  - *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2*: Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền dân chủ  - *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 3*: Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc vi phạm quyền dân chủ |
| 9 | Một số quyền tự do cơ bản của công dân | - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về:  + Quyền bất khả xâm phạm về thân thể.  + Quyền được pháp luật bảo hộ về tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm.  + Quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở.  + Quyền được bảo đảm an toàn và bí mật thư tín, điện thoại, điện tín.  + Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do ngôn luận, báo chí và tiếp cận thông tin.  + Quyền và nghĩa vụ công dân về tự do tín ngưỡng và tôn giáo.  - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm quyền tự do của công dân.  - Hiểu được trách nhiệm của học sinh trong thực hiện các quyền tự do của công dân.  - Phân tích, đánh giá được hành vi vi phạm quyền tự do của công dân trong một số tình huống đơn giản.  - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền tự do của công dân bằng những hành vi cụ thể, phù hợp. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1, 2, 3, 4*:  - Tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân; quyền bí mật đời sống riêng tư của trẻ em; quyền về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình  - Thực hiện được trách nhiệm của công dân trong thực hiện và tôn trọng các quyền của bản thân và của người khác.  - Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện quyền dân sự. |
| 1 | *Chuyên đề 11.1:* Phát triển kinh tế và sự biến đổi môi trường tự nhiên | - Nêu được những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên, xác định được nguyên nhân phát sinh những tác động đó.  - Giải thích được sự cần thiết phải giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.  - Thực hiện được bài tập nghiên cứu về trường hợp cuộc sống của con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.  - Đánh giá được một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm khắc phục hoặc hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 3* trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa. |
| 2 | *Chuyên đề 11.2:* Một số vấn đề về pháp luật lao động | - Nêu được khái niệm, nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động; quy định của pháp luật lao động về: hợp đồng lao động, tiền lương và tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động.  - Phân tích, đánh giá được hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật lao động trong các tình huống đơn giản thường gặp; nêu được ý kiến thuyết phục trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đang đặt ra trong đời sống liên quan đến pháp luật lao động.  - Tích cực, chủ động vận động mọi người xung quanh thực hiện tốt pháp luật lao động. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2, 3* trong việc thực hiện quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập |
| 3 | *Chuyên đề 11.3:* Một số vấn đề về pháp luật dân sự | - Nêu được khái niệm, các nguyên tắc và một số chế định cụ thể của pháp luật dân sự: hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, thừa kế di sản, sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, hôn nhân và gia đình.  - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật dân sự trong các tình huống cụ thể đơn giản thường gặp.  - Nêu được ý kiến phân tích, đánh giátrong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến pháp luật dân sự.  - Điều chỉnh được hành vi pháp luật của bản thân trong giải quyết các vấn đề liên quan đến các quy định của pháp luật dân sự.  - Tích cực, chủ động vận động người khác điều chỉnh hành vi pháp luật về dân sự; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật dân sự. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1, 2, 3, 4 trong việc:*  - Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền dân sự của bản thân và của người khác.  - Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền dân sự; phê phán các hành vi vi phạm quyền dân sự. |

3.2.3. Lớp 12

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chủ đề** | **Yêu cần cần đạt** | **Gợi ý tích hợp  quyền con ngươi** |
| 1 | Tăng trưởng và phát triển kinh tế | - Phân biệt được tăng trưởng kinh tế và phát triển kinh tế.  - Nêu được các chỉ tiêu của tăng trưởng và phát triển kinh tế.  - Giải thích được vai trò của tăng trưởng và phát triển kinh tế.  - Nhận biết được mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với sự phát triển bền vững.  - Tham gia các hoạt động góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế.  - Ủng hộ những hành vi, việc làm góp phần thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế; phê phán, đấu tranh với những hành vi, việc làm cản trở sự tăng trưởng, phát triển kinh tế. | *Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt 6:* Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. |
| 2 | Hội nhập kinh tế quốc tế | - Nêu được khái niệm hội nhập kinh tế quốc tế.  - Giải thích được hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết đối với mọi quốc gia.  - Liệt kê được các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế.  - Xác định được trách nhiệm của bản thân trong hội nhập kinh tế quốc tế.  - Ủng hộ những hành vi chấp hành và phê phán những hành vi không chấp hành chủ trương, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. | *Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt 5:* Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. |
| 3 | Bảo hiểm và an sinh xã hội | - Nêu được các khái niệm: bảo hiểm; an sinh xã hội và vai trò của bảo hiểm, an sinh xã hội.  - Giải thích được sự cần thiết của bảo hiểm và an sinh xã hội.  - Liệt kê được một số loại hình bảo hiểm.  - Gọi tên được một số chính sách an sinh xã hội cơ bản.  - Thực hiện được trách nhiệm công dân về bảo hiểm và an sinh xã hội bằng những việc làm cụ thể và phù hợp. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt: 1, 2, 5:*  - Nội dung cơ bản quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương như: quyền của trẻ em, quyền của phụ nữ; quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền của dân tộc thiểu số; quyền của người tị nạn...  - Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập.; |
| 4 | Lập kế hoạch kinh doanh | - Nêu được nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh.  - Giải thích được sự cần thiết phải lập kế hoạch kinh doanh.  - Diễn giải được các bước lập kế hoạch kinh doanh.  - Lập được kế hoạch kinh doanh và mô tả được kế hoạch kinh doanh của bản thân dưới hình thức bài tập thực hành. |  |
| 5 | Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp | - Nêu được khái niệm trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.  - Liệt kê được các hình thức thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.  - Trình bày được ý nghĩa của việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.  - Xác định được trách nhiệm của công dân khi tham gia điều hành doanh nghiệp.  - Phê phán những biểu hiện thiếu trách nhiệm đối với xã hội của một số doanh nghiệp. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt* liên quan đến việc thực hiên trách nhiệm xã hội của danh nghiệp. |
| 6 | Quản lý thu, chi trong gia đình | - Nêu được thế nào là quản lý thu, chi trong gia đình.  - Giải thích được sự cần thiết phải quản lý thu, chi trong gia đình.  - Đánh giá được thói quen chi tiêu và các mục tiêu tài chính của gia đình.  - Tham gia lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch thu, chi hợp lý trong gia đình. |  |
| 7 | Một số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế | - Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh, nộp thuế, sở hữu tài sản, tôn trọng tài sản của người khác.  - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế bằng những hành vi phù hợp.  - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm đơn giản thường gặp về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế; nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế. | - *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1:* Quyền có chỗ ở và quyền sở hữu nhà ở; quyền sở hữu thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, quyền thừa kế; quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định.  *- Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2, 3:*  + Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác.  + Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. |
| 8 | Quyền và nghĩa vụ của công dân về văn hóa, xã hội | - Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và gia đình; học tập; bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; đảm bảo an sinh xã hội; bảo vệ di sản văn hóa, môi trường và tài nguyên thiên nhiên.  - Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về văn hóa, xã hội bằng những hành vi phù hợp.  - Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong một số tình huống đơn giản thường gặp về văn hóa, xã hội; nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ công dân về văn hóa, xã hội. | - *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1:* Quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền trẻ em.  - *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2, 3:*  + Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác.  + Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. |
| 9 | Một số vấn đề cơ bản của pháp luật quốc tế | - Nêu được khái niệm, vai trò, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật quốc tế; mối quan hệ giữa pháp luật quốc tế và luật quốc gia.  - Nhận biết được nội dung cơ bản của công pháp quốc tế về:  + Dân cư, lãnh thổ và biên giới quốc gia, các vùng biển thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của quốc gia.  + Nguyên tắc cơ bản của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và hợp đồng thương mại quốc tế.  - Phân tích, đánh giá được một số hành vi vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật quốc tế đơn giản. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2, 3 về*: Quyền không bị phân biệt đối xử, quyền được thừa nhận và bình đẳng trước pháp luật (thể hiện sự bình đẳng giữa các quốc gia). |
| 1 | *Chuyên đề 12.1:* Phát triển kinh tế và sự biến đổi văn hóa, xã hội | - Nêu được những biến đổi văn hóa, xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.  - Chỉ ra được nguyên nhân của những biến đổi văn hóa, xã hội do tác động của sự phát triển kinh tế.  - Thực hiện được bài tập nghiên cứu về tác động tích cực hoặc tiêu cực của phát triển kinh tế đến văn hóa, xã hội; giải pháp hạn chế, khắc phục tác động tiêu cực.  - Biết đánh giá một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế xã hội nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hóa, xã hội. |  |
| 2 | *Chuyên đề 12.2:* Một số vấn đề về Luật Doanh nghiệp | - Nêu được khái niệm Luật Doanh nghiệp và nội dung cơ bản của Luật Doanh nghiệp.  - Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm các quy định của Luật Doanh nghiệp.  - Phân tích, đánh giá, tham gia tranh luận được một số vấn đề đơn giản thường gặp trong đời sống liên quan đến Luật Doanh nghiệp.  - Tích cực, chủ động vận động người khác thực hiện đúng Luật Doanh nghiệp; phê phán các hành vi vi phạm Luật Doanh nghiệp. | *Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2, 3, 4* về việc thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp. |
| 3 | *Chuyên đề 12.3:* Việt Nam trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế | - Bước đầu phân tích được những cơ hội và thách thức đối với Việt Nam trong hội nhập kinh tế quốc tế.  - Nêu được đường lối, chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước.  - Nêu được những thành tựu và hạn chế trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam; một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế, văn hóa, xã hội trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.  - Trình bày được khái niệm công dân toàn cầu và các vấn đề hợp tác quốc tế, giải quyết xung đột quốc tế về kinh tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. | *Tích hợp liên hệ yêu cầu cần đạt 2* giúp học sinh liên hệ được chính sách của Nhà nước về công nhận và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ với lợi ích công cộng; không bảo hộ các đối tượng sở hữu trí tuệ trái với đạo đức xã hội, trật tự công cộng, có hại cho quốc phòng, an ninh trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. |

3.3. Gợi ý một số phương pháp dạy học tích hợp nội dung giáo dục quyền con người trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

a. Dạy học khám phá

Dạy học khám phá là cách thức tổ chức dạy học, trong đó học sinh tự tìm tòi, khám phá phát hiện ra tri thức mới nào đó trong chương trình môn học, thông qua các hoạt động dưới sự hướng dẫn, định hướng của giáo viên.

Phương pháp dạy học khám phá có ưu thế trong việc tổ chức dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật. Trong quá trình tổ chức hoạt động nhiệm vụ học tập, giáo viên có thể lựa chọn các thông tin, hình ảnh, dữ liệu để thiết kế các nhiệm vụ học tập giúp học sinh xác định các quyền con người được đề cập đến trong các yêu cầu cần đạt của chủ đề/bài học.

*\* Cách tiến hành*

*Giai đoạn 1:* Chuẩn bị.

- Xác định vấn đề cần khám phá là vấn đề thường chứa đựng thông tin mới đặt dưới dạng câu hỏi hoặc bài tập nhỏ. Vấn đề khám phá cần phải vừa sức với học sinh.

- Xác định cách thức thu thập dữ liệu cần thiết cho việc đánh giá. Các dữ liệu thu được có thể là những quan sát trực tiếp của học sinh thông qua các hiện tượng thực tế hoặc các thông tin đọc được trong sách báo, tài liệu, hoặc từ chính các trải nghiệm của học sinh.

- Xác định nội dung vấn đề học tập mà học sinh cần đạt được qua quá trình khám phá.

- Xác định cách thức báo cáo và đánh giá kết quả của hoạt động khám phá.

*Giai đoạn 2:* Tổ chức học tập khám phá.

*Bước 1.* Giao nhiệm vụ học tập: Giáo viên cần đảm bảo học sinh xác định rõ vấn đề cần khám phá, mục đích của việc khám phá đó cũng như cách thức hoạt động trong quá trình khám phá.

Bước 2. Thực hiện nhiệm vụ học tập khám phá: Học sinh làm việc cá nhân hoặc làm việc nhóm đề xuất các giả thuyết về vấn đề được đặt ra; tiến hành thu thập các dữ liệu, thông tin thông qua các hoạt động khảo sát và xử lý các dữ liệu để kiểm chứng giả thuyết đã đặt ra. học sinh có thể làm việc với các phiếu học tập, các mô hình, hình ảnh, biểu đồ. Sau đó học sinh trao đổi, thảo luận về tính đúng đắn của các các giả thuyết được đưa ra.

*Bước 3.* Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động: Giáo viên tổ chức cho học sinh trình bày kết quả của hoạt động khám phá. Từ đó, giáo viên hướng dẫn học sinh lựa chọn những phán đoán, kết luận đúng để hình thành kiến thức mới.

*\* Ví dụ minh họa*

Để học sinh nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về bình đẳng giới trong các lĩnh vực thuộc chủ đề “quyền bình đẳng của công dân” lớp 11, giáo viên tổ chức cho học sinh đọc và thảo luận tình huống: *Nhà ông C khá khó khăn, ông có hai người con sinh đôi, hai chị em năm nay đều hết lớp 12, song chị gái thì chăm chỉ học lực tốt hơn so với em trai, tuy nhiên ông C lại quyết định cho chị gái chỉ học để xét tốt nghiệp bởi ông nghĩ rằng con gái không cần học nhiều, học trình độ 12/12 là đủ rồi. Mặc dù con gái ông C rất buồn, xin ông nhiều lần để cho con được học đại học nhưng nhất định ông không nghe*.

*Giai đoạn 1:*

- Xác định vấn đề cần khám phá trong tình huống về hành vi vi phạm về bất bình đẳng giới của ông C.

- Xác định cách thu thập dữ liệu: Tìm hiểu quy định của Luật Bình đẳng giới liên quan đến tình huống: nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó để xác định hành vi sự phân biệt, đối xử của ông C đối với các con của mình.

- Xác định cách báo cáo: cá nhân và nhóm.

*Giai đoạn 2:*

- Giáo viên giao nhiệm vụ: Đọc tình huống và trả lời câu hỏi: *Hành vi của ông C là vi phạm quy định nào của pháp luật? Vì sao?*

- Học sinh làm việc cá nhân thu thập các dữ liệu, thông tin để kiểm chứng các giả thiết đã đặt ra, thảo luận theo nhóm về tính đúng đắn của giả thiết và sự đáp ứng của dữ liệu đã tìm được.

- Giáo viên tổ chức cho học sinh trình bày kết quả, hướng dẫn học sinh lựa chọn những phán đoán, kết luận đúng để hình thành kiến thức:

+ Việc ông C không cho con gái học tiếp lên đại học mà chỉ cho học để xét tốt nghiệp là vi phạm quy định Luật Bình đẳng giới về quyền bình đẳng nam, nữ.

+ Từ kết quả làm việc của học sinh, giáo viên dẫn dắt học sinh đến hình thành kiến thức: Pháp luật quy định nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực như nhau.

*\* Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học khám phá*

- Giáo viên phải hiểu khả năng của từng học sinh, từ đó có cách hướng dẫn phù hợp, giúp học sinh hiểu chính xác nhiệm vụ của mình trong từng hoạt động khám phá.

- Giáo viên chuẩn bị các câu hỏi gợi mở từng bước, giúp học sinh tự lực đi tới mục tiêu của hoạt động. Lưu ý những biểu hiện của học sinh có khả năng khám phá học tập như: hiểu các thông tin mới, có kỹ năng so sánh, phân tích, tổng hợp, huy động kiến thức và phương pháp giải quyết vấn đề bằng nhiều cách khác nhau. Ngoài ra, cần chú ý tới thái độ chủ động tích cực trong việc tiếp cận và giải quyết tình huống và vấn đề mới, phức tạp.

***b***. **Dạy học hợp tác**

Dạy học hợp tác là dạy học trong đó giáo viên tổ chức cho học sinh hình thành các nhóm hợp tác, cùng nhau nghiên cứu, trao đổi ý tưởng và giải quyết vấn đề do giáo viên đặt ra. Từ đó giúp học sinh tiếp thu một lượng kiến thức nhất định dựa trên cơ sở hoạt động tích cực của từng cá nhân. Từng thành viên của nhóm không chỉ có trách nhiệm về việc học tập của mình mà còn có trách nhiệm quan tâm đến việc học tập của bạn bè trong nhóm.

*\* Cách tiến hành*

*Giai đoạn 1:* Chuẩn bị.

- Xác định tiêu chí thành lập nhóm theo trình độ, theo vị trí ngồi, theo ngẫu nhiên, theo sở trường của học sinh...

- Thiết kế các hoạt động kết hợp cá nhân, theo cặp, theo nhóm để thay đổi hoạt động, tạo hứng thú và nâng cao kết quả học tập của học sinh.

- Xác định thời gian phù hợp cho hoạt động nhóm để thực hiện có hiệu quả.

– Thiết kế các phiếu/hình thức giao nhiệm vụ tạo điều kiện cho học sinh dễ dàng hiểu rõ nhiệm vụ và thể hiện rõ kết quả hoạt động của cá nhân hoặc của cả nhóm.

*Giai đoạn 2:* Tổ chức dạy học hợp tác.

*Bước 1.* Giao nhiệm vụ học tập: Giáo viên tổ chức cho toàn lớp với các hoạt động chính như giới thiệu chủ đề, thành lập các nhóm làm việc, xác định nhiệm vụ của các nhóm, xác định và giải thích nhiệm vụ cụ thể của các nhóm, xác định rõ mục tiêu cụ thể cần đạt được. Nhiệm vụ của các nhóm có thể giống nhau hoặc khác nhau.

*Bước 2.* Thực hiện nhiệm vụ học tập có sự hợp tác: Các nhóm tự lực thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó có hoạt động chính là chuẩn bị chỗ làm việc nhóm; lập kế hoạch làm việc; thỏa thuận về quy tắc làm việc; tiến hành giải quyết nhiệm vụ; chuẩn bị báo cáo kết quả trước lớp; xác định nội dung, cách trình bày kết quả.

*Bước 3.* Trình bày và đánh giá kết quả của hoạt động hợp tác: Đại diện các nhóm trình bày kết quả trước lớp (trình bày miệng hoặc trình bày với báo cáo kèm theo hoặc trình bày có minh họa). Giáo viên hướng dẫn học sinh lắng nghe và phản hồi tích cực. Kết quả trình bày của các nhóm được chia sẻ với các nhóm khác, để góp ý và là cơ sở để triển khai các nhiệm vụ tiếp theo.

*\* Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học hợp tác*

- Chủ đề có hợp với dạy học hợp tác theo nhóm không?

- Các nhóm làm việc với nhiệm vụ giống hay khác nhau?

- Học sinh đã có đủ kiến thức điều kiện cho công việc nhóm chưa?

- Cần trình bày nhiệm vụ làm việc nhóm như thế nào?

- Cần chia nhóm theo tiêu chí nào?

- Quy định rõ thời gian thảo luận và thời gian trình bày sản phẩm của mỗi nhóm.

- Trong khi các nhóm thảo luận, giáo viên chủ động quan sát, động viên, khích lệ, hướng học sinh tập trung thảo luận vào chủ đề đã được phân công.

- Trong giờ học hợp tác, giáo viên dẫn dắt học sinh khám phá, lĩnh hội kiến thức qua từng bước. Các nhóm học sinh thực hiện nhiệm vụ của mình, qua đó có thể rút ra các tri thức, kiến thức cần thiết cho mình.

**c**. **Dạy học giải quyết vấn đề**

Dạy học giải quyết vấn đề không phải là phương pháp dạy học riêng biệt, mà là một tập hợp nhiều phương pháp dạy học liên kết chặt chẽ và tương tác với nhau, trong đó việc đặt ra và hướng dẫn học sinh giải quyết vấn đề trong tình huống giữ vai trò trung tâm, gắn bó các phương pháp dạy học khác.

Trong dạy học giải quyết vấn đề, học sinh được đặt trong một tình huống có vấn đề, thông qua việc giải quyết vấn đề đó giúp học sinh lĩnh hội tri thức, kỹ năng và phương pháp nhận thức. Tình huống có vấn đề sẽ xuất hiện khi một cá nhân đứng trước một nhiệm vụ, vấn đề cần giải quyết và bản thân chưa biết bằng cách nào, chưa đủ phương tiện (tri thức, kỹ năng...) để tự giải quyết, nhưng có mong muốn giải quyết được nhiệm vụ, vấn đề này.

*\* Cách tiến hành*

*Bước 1.* Nhận biết vấn đề: Giáo viên đưa người học vào tình huống có vấn đề hoặc giáo viên có thể gợi ý người học tự tạo ra tình huống có vấn đề. Phát biểu vấn đề dưới dạng “mâu thuẫn nhận thức”, đó là mâu thuẫn giữa những cái đã biết với những cái chưa biết và học sinh muốn tìm tòi để giải quyết vấn đề mâu thuẫn đó.

*Bước 2.* Lập kế hoạch giải quyết vấn đề: Học sinh đề xuất giả thuyết giải quyết vấn đề, đưa ra các phương án và lập kế hoạch để giải quyết vấn đề theo giả thuyết đã đặt ra.

*Bước 3.* Thực hiện kế hoạch giải quyết vấn đề: Đánh giá việc thực hiện giả thuyết đặt ra đã đúng chưa, nếu đúng thì chuyển sang bước tiếp theo, nếu như chưa đúng thì quay trở lại bước 2 để chọn giả thuyết khác.

*Bước 4.* Kiểm tra, đánh giá và kết luận: Giáo viên tổ chức cho học sinh rút ra kết luận về cách giải quyết vấn đề trong tình huống đã được đặt ra, từ đó học sinh lĩnh hội được tri thức, kỹ năng của bài học hoặc vận dụng được những kiến thức, kỹ năng trong môn học để giải quyết vấn đề trong thực tiễn.

*\* Một số yêu cầu khi sử dụng phương pháp dạy học giải quyết vấn đề*

Lựa chọn các mức độ cho phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh và nội dung cụ thể của mỗi bài học. Mức độ tham gia của học sinh càng nhiều thì học sinh sẽ càng tích cực, tuy nhiên đòi hỏi trình độ năng lực của học sinh càng cao.

**d**. **Dạy học dự án**

Dạy học dự án là phương pháp dạy học, trong đó học sinh thực hiện một nhiệm vụ học tập phức hợp, có sự kết hợp giữa lý thuyết và thực hành, tạo ra các sản phẩm có thể giới thiệu. Nhiệm vụ này được học sinh thực hiện với tính tự lực cao trong toàn bộ quá trình học.

*\* Cách tiến hành*

*Giai đoạn 1:* Chuẩn bị dự án.

- Đề xuất ý tưởng và chọn đề tài: Đề tài dự án có thể nảy sinh từ sáng kiến của giáo viên, học sinh hoặc của nhóm học sinh. Học sinh là người quyết định lựa chọn đề tài, nhưng phải đảm bảo nội dung phù hợp với mục đích học tập, phù hợp chương trình và điều kiện thực tế. Để thực hiện dự án, học sinh phải đóng những vai có thực trong xã hội để tự mình tìm kiếm thông tin và giải quyết công việc.

- Chia nhóm và nhận nhiệm vụ: Giáo viên chia nhóm, giao nhiệm vụ cho các nhóm học sinh và những yếu tố khác liên quan đến dự án. Trong công việc này, giáo viên là người đề xướng nhưng cũng cần tạo điều kiện cho học sinh tự chọn nhóm làm việc.

- Lập kế hoạch: Giáo viên hướng dẫn các nhóm học sinh lập kế hoạch thực hiện dự án, trong đó học sinh cần xác định chính xác chủ đề, mục tiêu, những công việc cần làm, kinh phí, thời gian và phương pháp thực hiện. Ở giai đoạn này, đòi hỏi ở học sinh tính tự lực và tính cộng tác để xây dựng kế hoạch của nhóm. Sản phẩm tạo ra ở giai đoạn này là bản kế hoạch dự án.

*Giai đoạn 2:* Thực hiện dự án.

Giai đoạn này với sự giúp đỡ của giáo viên, học sinh tập trung vào việc thực hiện nhiệm vụ được giao với các hoạt động, như: đề xuất các phương án giải quyết và kiểm tra, nghiên cứu tài liệu, tiến hành các thí nghiệm, trao đổi và hợp tác với các thành viên trong nhóm. Trong dự án, giáo viên cần tôn trọng kế hoạch đã xây dựng của các nhóm, cần tạo điều kiện cho học sinh trao đổi, thu thập tài liệu, tìm kiếm thông tin, cùng nhau đánh giá công việc, chỉnh sửa để đạt được mục tiêu.

*Giai đoạn 3:* Báo cáo và đánh giá dự án.

*Bước 1.* Học sinh thu thập kết quả, công bố sản phẩm trước lớp. Sau đó, giáo viên và học sinh tiến hành đánh giá. Học sinh có thể tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình và đánh giá nhóm khác. Giáo viên đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của học sinh, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm để thực hiện những dự án tiếp theo.

*Bước 2.* Học sinh thực hiện dự án theo kế hoạch đã lập với những nhiệm vụ cụ thể sau:

- Mỗi nhóm tìm hiểu về một mô hình sản xuất kinh doanh cụ thể: mô hình kinh tế hộ gia đình, kinh tế hợp tác xã, mô hình doanh nghiệp ở địa phương.

- Ghi hình quá trình thực hiện.

- Viết bài thuyết trình giới thiệu sản phẩm: Tên mô hình sản xuất kinh doanh; chủ thể (chủ sở hữu); lĩnh vực sản xuất kinh doanh; quy mô hoạt động; vai trò xã hội của doanh nghiệp.

- Thống nhất cách giới thiệu sản phẩm.

- Học sinh cùng nhau tạo sản phẩm đánh giá công việc, chỉnh sửa để đạt mục tiêu.

*Bước 3*. Giáo viên tổ chức cho học sinh bình chọn ra những dự án hay nhất, có thuyết trình hay và thông điệp ý nghĩa.

Sau hoạt động này, học sinh có thể tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình và đánh giá nhóm khác. Giáo viên đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của học sinh, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm để thực hiện những dự án tiếp theo.

**e**. **Xử** lý **tình huống**

Xử lý tình huống là phương pháp dạy học, trong đó giáo viên tổ chức cho học sinh xem xét, phân tích những vấn đề/tình huống cụ thể thường gặp phải trong đời sống thực tiễn và xác định cách giải quyết, xử lý vấn đề/tình huống đó một cách có hiệu quả, phù hợp với các chuẩn mực kinh tế, pháp luật trong thực tiễn.

Phương pháp xử lý tình huống giữ vai trò quan trọng trong việc phát triển cho học sinh các năng lực giải quyết vấn đề, tư duy phê phán, tư duy sáng tạo.

Khi thực hiện phương pháp xử lý tình huống, giáo viên cần đảm bảo những yêu cầu sau:

- Yêu cầu đối với tình huống:

+ Phải phù hợp với chủ đề bài học giáo dục kinh tế và pháp luật.

+ Phù hợp với trình độ nhận thức của học sinh cả về độ khó và độ dài.

+ Gần gũi với cuộc sống thực của học sinh.

+ Tình huống phải chứa đựng những mâu thuẫn cần giải quyết, gợi ra cho học sinh nhiều hướng suy nghĩ, nhiều cách giải quyết vấn đề.

- Yêu cầu về quy trình thực hiện:

+ Giáo viên nêu tình huống và hướng dẫn học sinh nhận dạng, xác định tình huống: (1) tình huống xảy ra ở đâu?; (2) tình huống xảy ra khi nào?; (3) xảy ra với ai?; (4) vấn đề cần giải quyết là gì?

+ Giáo viên giao nhiệm vụ xử lý tình huống cho học sinh/nhóm học sinh và hướng dẫn các em các bước để xử lý tình huống: (1) thu thập thông tin có liên quan đến tình huống đặt ra; (2) liệt kê/phán đoán các cách giải quyết có thể có; (3) phân tích, đánh giá kết quả mỗi cách giải quyết; (4) so sánh kết quả các cách giải quyết; (5) lựa chọn cách giải quyết tối ưu nhất.

+ Học sinh/các nhóm học sinh làm việc, nêu cách xử lý tình huống qua các câu hỏi cụ thể.

+ Giáo viên tổng kết các ý kiến của học sinh và định hướng cho các em cách giải quyết, xử lý tình huống phù hợp với chuẩn mực pháp luật và kinh tế.

- Một số yêu cầu khác:

+ Có thể tổ chức cho các nhóm học sinh xử lý, giải quyết cùng một tình huống hoặc các tình huống khác nhau, tùy theo mục đích của hoạt động.

+ Học sinh cần xác định rõ tình huống trước khi xử lý tình huống.

+ Có thể sử dụng kỹ thuật động não để học sinh cả lớp liệt kê các phương án giải quyết có thể xảy ra, trước khi giao nhiệm vụ cho học sinh/nhóm học sinh xử lý, lựa chọn phương án giải quyết tối ưu.

+ Cách giải quyết tối ưu đối với mỗi học sinh/nhóm học sinh có thể giống hoặc khác nhau, tùy thuộc vào hoàn cảnh, cảm xúc và giá trị của các em.

**f**. **Đóng vai**

Dạy học thông qua đóng vai là phương pháp tổ chức cho học sinh thực hành “làm thử” một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống giả định. Đây là phương pháp nhằm giúp học sinh suy nghĩ sâu sắc về một vấn đề bằng cách tập trung vào một sự việc cụ thể mà các em vừa thực hiện hoặc quan sát được.

Phương pháp đóng vai thường gắn với phương pháp xử lý tình huống và có vai trò quan trọng trong việc phát triển cho học sinh các năng lực: giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo...

Khi sử dụng phương pháp pháp đóng vai, giáo viên cần đảm bảo những yêu cầu sau:

- Yêu cầu về tình huống đóng vai:

+ Tình huống đóng vai phải phù hợp với chủ đề bài học, phù hợp với lứa tuổi, trình độ học sinh và điều kiện, hoàn cảnh lớp học.

+ Tình huống không nên quá dài và phức tạp.

+ Tình huống phải có nhiều cách giải quyết.

+ Tình huống cần để mở để học sinh tự tìm cách giải quyết, cách ứng xử phù hợp; không cho trước “kịch bản”, lời thoại.

- Yêu cầu về cách thực hiện:

Có thể tiến hành đóng vai theo các bước sau:

+ Giáo viên nêu chủ đề, chia nhóm và nêu tình huống, giao nhiệm vụ đóng vai cho từng nhóm. Mỗi tình huống có thể phân công một hoặc một vài nhóm cùng đóng vai.

+ Giáo viên cần quy định rõ thời gian chuẩn bị và thời gian đóng vai của mỗi nhóm.

+ Các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản và phân công đóng vai. Trong khi học sinh thảo luận và chuẩn bị đóng vai, giáo viên nên đi đến từng nhóm lắng nghe và gợi ý, giúp đỡ học sinh khi cần thiết.

+ Các nhóm lên đóng vai.

+ Thảo luận lớp: nhận xét về cách ứng xử, cách thể hiện của các vai diễn.

+ giáo viên kết luận, định hướng cho học sinh về cách ứng xử tích cực trong tình huống đã được đóng vai.

- Các yêu cầu khác:

+ Phải dành thời gian phù hợp, đủ cho học sinh thảo luận xây dựng kịch bản và chuẩn bị đóng vai.

+ Các vai diễn nên để học sinh xung phong hoặc tự phân công nhau đảm nhận.

+ Nên khích lệ cả những học sinh nhút nhát cùng tham gia.

+ Nên có hóa trang và đạo cụ đơn giản để tăng tính hấp dẫn của hoạt động đóng vai.

**PHẦN 3**

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MINH HỌA VỀ TÍCH HỢP NỘI DUNG  
GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI Ở CẤP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG**

**I. Xây dựng kế hoạch bài dạy tích hợp giáo dục quyền con người**

1. Một số lưu ý có tính nguyên tắc khi xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học tích hợp nội dung giáo dục quyền con người trong môn Giáo dục kinh tế và pháp luật

Trong chương trình môn Giáo dục kinh tế và pháp luật, các mục tiêu về phẩm chất, năng lực đã được diễn đạt thành các yêu cầu cần đạt của từng chủ đề. Vì vậy, muốn lựa chọn được phương pháp dạy học một chủ đề/bài học thì từ yêu cầu đạt của chủ đề mà chương trình môn học quy định giáo viên cần xác định xem khi thực hiện các yêu cầu cần đạt đó sẽ đạt được thành tố nào của phẩm chất, năng lực và đươc biểu hiện cụ thể ở những chỉ số hành vi nào. Quá trình này cần đảm bảo một số nguyên tắc cơ bản sau:

- Đảm bảo rằng các bài học và hoạt động học luôn thể hiện sự tôn trọng quyền con người của tất cả các cá nhân học sinh, bao gồm sự tôn trọng về nhân phẩm, quyền tự do cá nhân, đa dạng văn hóa và quyền bình đẳng. Tạo điều kiện cho học sinh hiểu và đồng cảm với các tình huống và quan điểm khác nhau, từ đó phát triển khả năng thấu hiểu và tôn trọng quan điểm của người khác.

- Đảm bảo tính công bằng trong tiếp cận, xử lý và truyền đạt thông tin về quyền con người, đảm bảo tính đa dạng, phong phú, khoa học, chính xác của các nguồn thông tin được đưa vào bài học. Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về các văn bản pháp luật và công ước quốc tế liên quan đến quyền con người. Giúp học sinh hiểu và đánh giá các quyền và trách nhiệm của mình trong ngữ cảnh pháp lý.

- Đảm bảo các nội dung về quyền con người đa dạng và bao gồm các vấn đề quan trọng như quyền dân chủ, quyền công dân, quyền bình đẳng, quyền tự do ngôn luận, quyền phát triển và nhân quyền.

- Khuyến khích học sinh phát triển tư duy phê phán và suy luận đúng đắn về các vấn đề liên quan đến quyền con người. Hãy tạo ra môi trường học tập khuyến khích sự tranh luận và thảo luận xung quanh các vấn đề, đặc biệt là các vấn đề nhạy cảm. Hướng dẫn học sinh biết cách phản biện những quan điểm sai lầm, đồng thời khích lệ họ phát triển khả năng tự suy luận và đưa ra quyết định chính xác.

- Kết hợp giữa kiến thức lý thuyết và thực tế về quyền con người. Tạo cơ hội cho học sinh áp dụng kiến thức vào các tình huống thực tế và khám phá cách thức ảnh hưởng đến cuộc sống hàng ngày của học sinh.

- Sử dụng công nghệ và các tài liệu có tính phong phú, cập nhật để truyền đạt thông tin về quyền con người như video, trò chơi và nguồn tư liệu trực tuyến để tạo ra một môi trường học tập hấp dẫn và sáng tạo. Sử dụng nhiều phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực để phục vụ cho các kiểu học tập và năng lực khác nhau của học sinh. Điều này đảm bảo rằng mọi học sinh có cơ hội tiếp cận và tham gia vào quá trình học tập một cách công bằng. Tạo điều kiện cho sự tương tác và thảo luận trong lớp học, khuyến khích học sinh tham gia vào các hoạt động nhóm và chia sẻ quan điểm của mình. Điều này giúp tạo ra một môi trường học tập phản ánh tinh thần dân chủ và sự đa dạng quan điểm.

- Khuyến khích phát triển kỹ năng xã hội và trách nhiệm xã hội thông qua các hoạt động nhóm, dự án và thực hành trải nghiệm thực tế. Kết hợp nội dung quyền con người với các ví dụ, tình huống và vấn đề thực tế trong cuộc sống hàng ngày của học sinh. Tạo cơ hội cho học sinh thực hiện các hoạt động thực tế nhằm thúc đẩy, phát huy quyền con người và quyền công dân của bản thân. Điều này giúp học sinh áp dụng kiến thức vào thực tế và thấy được tầm quan trọng của quyền con người trong cuộc sống hàng ngày.

- Sử dụng các phương pháp đánh giá công bằng và đa dạng để đánh giá sự hiểu biết và kỹ năng của học sinh về quyền con người. Sử dụng các hình thức đánh giá đa dạng để đánh giá khả năng hiểu và áp dụng kiến thức về quyền con người.

**II. Một số lưu ý về việc thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học**

**1. Đối với các bài học về giáo dục kinh tế**

Để việc dạy học các bài học này được hiệu quả, giáo viên cần chú trọng khai thác các thông tin, trường hợp, tình huống thực tiễn gần gũi với học sinh trung học phổ thông, tiêu biểu, điển hình để tổ chức các hoạt động dạy học cho học sinh. Đó là các thông tin về hoạt động hoạt động sản xuất các ngành nghề ở các địa phương khác nhau trong cả nước, thông tin về hoạt động thị trường, về chủ trương, chính sách của Nhà nước về thúc đẩy hoạt động kinh tế; các trường hợp điển hình về mô hình sản xuất kinh doanh; các tình huống kinh tế.

**2. Đối với các học các bài về giáo dục pháp luật**

Để việc dạy học các bài học về giáo dục pháp luật được hiệu quả, giáo viên cần tăng cường khai thác các tình huống pháp luật (giả định hoặc có thật), các thông tin pháp luật, các trường hợp điển hình gần gũi với học sinh trung học phổ thông, tiêu biểu, điển hình, kết hợp với việc cho học sinh tìm hiểu các điều luật cụ thể... để giáo dục cho học sinh về các chuẩn mực pháp luật được đặt ra trong yêu cầu của bài học, thông qua các hoạt động trao đổi, thảo luận theo nhóm, theo lớp. Đó là các thông tin về hoạt động của bộ máy nhà nước, các thông tin, trường hợp về thực hiện quyền con người, các tình huống pháp luật, thực hiện pháp luật của các tổ chức, cá nhân và cơ quan nhà nước... trong đó ưu tiên nhiều hơn cho việc sử dụng tình huống pháp luật.

Trong tổ chức dạy học, giáo viên tăng cường sử dụng các thông tin, tình huống, trường hợp điển hình, điều luật... để đưa vào tổ chức các hoạt động dạy học. Trong quá trình khai thác tình huống, giáo viên nên đi theo một quy trình của quá trình nhận thức: từ những trường hợp cụ thể (riêng) để đến những giá trị tổng thể (chung); từ thông tin, tình huống trong sách giáo khoa để đến với đời sống thực tế của học sinh qua các hoạt động liên hệ. Bằng cách đó, giáo viên giúp học sinh có thể kết nối cuộc sống với bài học, đưa bài học vào cuộc sống môt cách thật tự nhiên.

Như vậy, với cách dạy học các bài học về giáo dục kinh tế và giáo dục pháp luật theo định hướng pháp triển năng lực học sinh, cần thông qua cách tiếp cận đi từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ trao đổi thảo luận về các thông tin, tình huống, trường hợp điển hình, điều luật... dẫn dắt đến kiến thức mà học sinh cần hiểu được. Có như vậy, học sinh mới được tham gia các hoạt động học tập, được giao tiếp, trao đổi, bày tỏ ý kiến; được tìm tòi, phát tiển tư duy sáng tạo, qua đó mà hình thành, phát triển các năng lực theo yêu cầu của mỗi chủ đề bài học.

**III. Giới thiệu Kế hoạch bài dạy minh họa**

1. Lớp 10: Chủ đề “Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người”

Mức độ tích hợp:

- Tích hợp toàn phần hoặc yêu cầu cần đạt: Nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về quyền con người (thiết kế bài học về quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người);

- Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2: Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền con người, quyền công dân của bản thân và của người khác.

- Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 3: Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền dân sự; phê phán các hành vi vi phạm quyền con người, quyền công dân.

NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA HIẾN PHÁP NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

(Dự kiến 03 tiết)

I. MỤC TIÊU

**1. Kiến thức**

Nêu được nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 về quyền con người.

**2. Về năng lực**

Góp phần hình thành và phát triển các năng lực quy định trong chương trình tổng thể thông qua các năng lực chuyên biệt sau:

*Năng lực điều chỉnh hành vi*:

Thực hiện nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp trong trong việc thực hiện các quy định về quyền con người bằng những việc làm cụ thể, phù hợp với lứa tuổi.

Phê phán các hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người.

*Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội*:

Giải thích được một cách đơn giản nội dung cơ bản của Hiến pháp về quyền con người trong các tình huống cụ thể.

**3. Về phẩm chất**

*Trách nhiệm:* Tích cực học tập, tìm hiểu các quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người để thực hiện đúng và vận động người khác tham gia các hoạt động tuyên truyền về thực hiện quy định của Hiến pháp về quyền con người.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, máy chiếu/tivi, bảng phụ, giấy A4 và A0, bút viết bảng, bút màu.

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10, Hiến pháp năm 2013.

- Video, hình ảnh, sự kiện, bài viết... liên quan đến quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**1. Hoạt động mở đầu**

*a. Mục tiêu:* Học sinh huy động được kinh nghiệm, hiểu biết của bản thân để bước đầu nhận biết được một số nội dung của Hiến pháp về quyền con người

*b. Nội dung:* Đọc thông tin trong hình dưới đây để trả lời câu hỏi:

- Hình ảnh dưới đây đề cập đến những quyền nào của con người?

- Quyền con người có nguồn gốc tự nhiên hay do pháp luật quy định?

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |

*c. Sản phẩm:*

- Các quyền đề cập trong thông tin: Quyền sống, quyền bình đẳng, quyền không bị phân biệt đối xử, quyền tự do...

- Quyền con người là quyền tự thân vốn có của con người .

*d. Tổ chức thực hiện:*

- Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, trả lời câu hỏi ra vở/giấy nháp.

- Hướng dẫn học sinh thảo luận cập đôi để hoàn thành câu trả lời.

- Lựa chọn hai cặp đôi báo cáo; các nhóm khác ghi chép, nêu câu hỏi cho từng cặp

- Yêu cầu học sinh chia sẻ, thảo luận về kết quả báo cáo của từng cặp; nhận xét theo kỹ thuật 321.

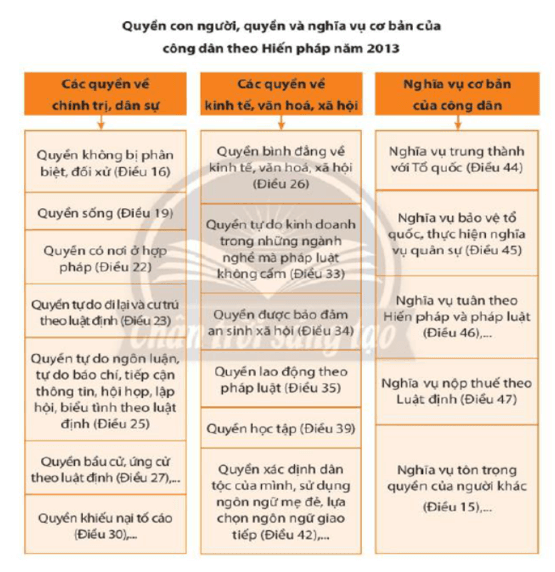
*Giáo viên tổng hợp các nội dung thảo luận và nêu vấn đề cần tìm hiểu: Ở Việt Nam, quyền con người được quy định như thế nào?*

**2. Hoạt động hình thành kiến thức mới**

***2.1. Tìm hiểu quy định của Hiến pháp về quyền con người***

*a. Mục tiêu:* Học sinh tìm hiểu và thu thập quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người.

*b. Nội dung:* Học sinh tìm hiểu quy định của Hiến pháp năm 2013 về các điều được đề cập đến trong các nhóm quyền dưới đây để xác định những quyền nào là quyền con người? Vì sao?



*c. Sản phẩm:* Học sinh có thể tra cứu được một số quy định về quyền con người trong Hiến pháp năm 2013 như sau:

- Nhóm quyền chính trị, dân sự:

+ Điều 19 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật”.

+ Điều 20 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình hay bất kỳ hình thức đối xử nào khác xâm phạm thân thể, sức khỏe, xúc phạm danh dự, nhân phẩm. Không ai bị bắt nếu không có quyết định của Tòa án nhân dân, quyết định hoặc phê chuẩn của Viện kiểm sát nhân dân, trừ trường hợp phạm tội quả tang. Việc bắt, giam giữ người do luật định”.

+ Điều 22 Hiến pháp năm 2013 quy định: “... Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở. Không ai được tự ý vào chỗ ở của người khác nếu không được người đó đồng ý. Việc khám xét chỗ ở do luật định”.

+ Điều 23 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Công dân có quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước”.

+ Điều 24 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Các tôn giáo bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo. Không ai được xâm phạm tự do tín ngưỡng, tôn giáo hoặc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để vi phạm pháp luật”.

+ Điều 30 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền khiếu nại, tố cáo với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về những việc làm trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân”.

- Nhóm quyền kinh tế, văn hóa, xã hội:

+ Khoản 1 Điều 32 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền sở hữu về thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, phần vốn góp trong doanh nghiệp hoặc trong các tổ chức kinh tế khác”.

+ Điều 33 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Tài sản hợp pháp của cá nhân, tổ chức đầu tư, sản xuất, kinh doanh được pháp luật bảo hộ”.

+ Điều 38 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, bình đẳng trong việc sử dụng các dịch vụ y tế và có nghĩa vụ thực hiện các quy định về phòng bệnh, khám bệnh, chữa bệnh. Nghiêm cấm các hành vi đe dọa cuộc sống, sức khỏe của người khác và cộng đồng”.

+ Điều 40 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ các hoạt động đó”.

+ Điều 41 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa”.

+ Điều 43 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường”.

*Lý do:*Xuất phát từ được các đặc tính của quyền con người: Tính phổ quát và không thể chuyển nhượng; tính không thể phân chia; sự phụ thuộc lẫn nhau và quan hệ lẫn nhau giữa các quyền con người; bình đẳng và không phân biệt đối xử.

*Cách phân biệt:* Các quy định trong Hiến pháp năm 2013 nhấn mạnh quyền con người đều bắt đầu bằng “mọi người”; các quy định về quyền công dân đều bắt đầu bằng từ “công dân có quyền...” (dành cho những người được công nhận là công dân của nước Việt Nam).

*d. Tổ chức thực hiện:*

- Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm: chia lớp thành ba dãy (mỗi bàn làm một nhóm).

+ Dãy 1: Tìm hiểu quyền về chính trị, dân sự.

+ Dãy 2: Tìm hiểu các quyền về kinh tế, văn hóa, xã hội.

+ Dãy 3: Tìm hiểu về nghĩa vụ công dân.

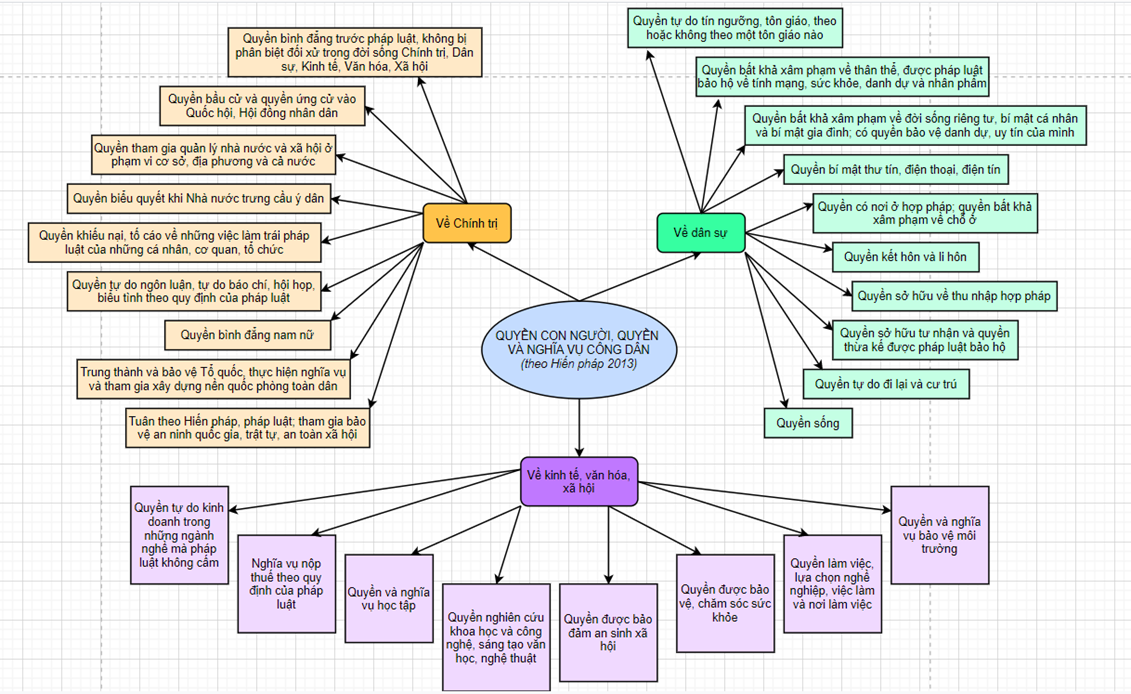
Các nhóm trả lời hai câu hỏi ra bảng phụ hoặc giấy A3, A4.

- Hướng dẫn các nhóm trong cùng dã thảo luận chéo để hoàn thành câu trả lời (ghi rõ những điểm giống nhau, điểm khác nhau và kết quả thống nhất).

- Lựa chọn ba nhóm báo cáo (mỗi nhóm báo cáo một nội dung); các nhóm còn lại ghi chép, nêu câu hỏi cho từng nhóm được báo cáo.

- Tổ chức cho học sinh thảo luận, nhận xét kết quả báo cáo theo kỹ thuật 321 và nêu câu hỏi cho từng nhóm

Kết luận về quy định của Hiến pháp về quyền con người:



***2.2. Phân biệt quy định của Hiến pháp về quyền con người và quyền công dân***

*Quyền con người có thể được hiểu một cách đơn giản là những đặc quyền tự nhiên thuộc về tất cả mọi người, không có bất kỳ sự phân biệt đối xử nào dựa trên cơ sở chủng tộc, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, dòng dõi, địa vị xã hội...; tất cả mọi người đều có quyền con người, vì đơn giản chúng ta là con người; các quyền con người đều xuất phát từ những nhu cầu, khát vọng tự nhiên, bắt nguồn từ nhân phẩm vốn có, được tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ bằng pháp luật quốc tế và pháp luật ở mỗi quốc gia.*

*Cách phân biệt:* Các quy định trong Hiến pháp nhấn mạnh quyền con người đều bắt đầu bằng “mọi người”; các quy định về quyền công dân đều bắt đầu bằng từ “công dân có quyền...” (dành cho những người được công nhận là công dân của nước Việt Nam ).

Nội dung các quyền:

*Các quyền chính trị:* Quyền bình đẳng trước pháp luật; quyền bầu cử, ứng cử; quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước; quyền biểu quyết khi nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân; quyền khiếu nại, quyền tố cáo; quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong bảo vệ, xây dựng Tổ quốc.

*Các quyền dân sự:* Quyền sống, quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; quyền có họ, tên; quyền thay đổi họ; quyền thay đổi tên; quyền xác định, xác định lại dân tộc; quyền được khai sinh, khai tử; quyền đối với quốc tịch; quyền của cá nhân đối với hình ảnh; quyền xác định lại giới tính; chuyển đổi giới tính; quyền kết hôn, ly hôn; quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình; quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo; quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín, bí mật cá nhân, bí mật gia đình; quyền suy đoán vô tội.

*Các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa:* Quyền có chỗ ở và quyền sở hữu nhà ở; quyền sở hữu thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, quyền thừa kế; quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ hoạt động đó; quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa.

*Các quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương*: Quyền của trẻ em, quyền của phụ nữ; quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền của dân tộc thiểu số; quyền của người tị nạn...

***2.3. Tránh nhiện của công dân trong việc thực hiện quy định của Hiến pháp về quyền con người***

*a. Mục tiêu:* Học sinh phân tích, đánh giá được thái độ, hành vi và trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân trong việc thực hiện quy định của Hiến pháp về quyền con người trong một số tình huống cụ thể.

*b. Nội dung:*Đọc thông tin và trả lời câu hỏi

“Đêm ngày 04-8-2021, một đoạn clip dài khoảng bốn phút ghi lại cảnh một người đàn ông đang bạo hành, đánh đập một em bé tại nhà được đăng lên mạng xã hội khiến nhiều người căm phẫn. Vụ việc xảy ra tại khu phố Bình Quới B, phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, Bình Dương.

Vào cuộc điều tra, Công an thành phố Thuận An đã bắt giữ Lê Hoài Nam (sinh năm 1992, ở quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh - người đánh bé trong đoạn clip. Theo đó, từ năm 2020, Nam sống chung như vợ chồng với chị N.H.T (29 tuổi, ngụ tại Đồng Nai) và con riêng của chị là bé trai N.P.A (5 tuổi) - nạn nhân bị hành hạ trong đoạn clip.

Quá trình sinh sống với chị T, Nam thường đánh đập chửi mắng cháu A. Đỉnh điểm vào tối ngày 03-8-2021, cháu A đòi ra ngoài chơi nên Nam đã đánh đập cháu bé. Trong lúc Nam đánh cháu, những người sinh sống gần bên nhà can ngăn nhưng bị Nam hăm dọa nên đã quay clip nhằm tố giác với cơ quan chức năng. Cơ quan công an cũng xác định được đây không phải lần đầu Nam đánh cháu A”.

Câu hỏi:

1) Các hành vi của người đàn ông thông tin trên đã vi phạm đến các quyền nào của con người?

2) Hành vi của người đàn ông trên có thể gây ra những hậu quả nào?

3) Theo quy định của pháp luật, hành vi trên bị xử lý như thế nào?

*c. Sản phẩm:*

1) Vi phạm quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khỏe, danh dự và nhân phẩm; không bị tra tấn, bạo lực, truy bức, nhục hình; quyền trẻ em.

2) Hậu quả: Ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tính thần của cháu bé; có thể gây nguy hiểm đến tính mạng...

3) Tùy theo hậu quả và mức độ thương tập sẽ bị xử lý theo quy định.

*d. Tổ chức thực hiện:*

1) Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, trả lời ba câu hỏi ra vở/ giấy nháp.

2) Hướng dẫn học sinh thảo luận cập đôi để hoàn thành câu trả lời.

3) Lựa chọn hai cặp đôi báo cáo; các nhóm khác ghi chép, nêu câu hỏi cho từng cặp.

4) Yêu cầu học sinh chia sẻ, thảo luận về kết quả báo cáo của từng cặp; nhận xét theo kỹ thuật 321.

Kết luận: Trách nhiệm của công dân:

1) Tôn trọng quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân và của người khác.

2) Chủ động, tích cực tìm hiểu Hiến pháp để hiểu biết về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

3) Tự giác thực hiện đầy đủ quyền của mình phù hợp với lứa tuổi; tuyên truyền về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân; đấu tranh với các hành vi vi phạm Hiến pháp về các quyền này.

**3. Hoạt động luyện tập**

*a. Mục tiêu:* Củng cố kiến thức về các nội dung quy định của Hiến pháp năm 2013 về quyền con người; tích cực chủ động tuân thủ quy định của pháp luật về quyền con người bằng những việc làm cụ thể, phù hợp với lứa tuổi; phê phán các hành vi vi phạm Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về quyền con người.

*b. Nội dung:*

- Bài tập 1. Đọc thông tin trả lời câu hỏi:

*Thông tin*: “Ngày 06-8-1945, thình lình một tia chớp xuất hiện làm cho mờ mắt, giật mình, rồi sau một giây tối bị co rúm tại chỗ cho đến khi thấy ngôi nhà trước mặt mình bị lay chuyển rồi đổ sập xuống sát chân của tôi... Xung quanh tôi, bao nhiêu cao ốc, lâu đài sập xuống như những vật thể mong manh nghiêng ngả trong chân không. Ngọn lửa bốc mạnh từ đống nhà cửa đổ nát nhanh chóng lan ra thành cơn bão lửa lớn. Tôi thấy đi qua lại trước mặt mình những bóng hình người giống như một dòng những bóng ma tinh quái. Những bóng hình đó hiện ra như đang bị dày vò bởi trận đau khó tả, cánh tay đang rụng khỏi thân hình, bàn tay rơi xuống đất. Những bóng hình đó làm tôi suy nghĩ cho đến chị tôi hiểu rằng đó là hình bóng của bao người bị ngọn lừa tàn bạo thiêu hủy xương, thịt cháy khét. Lửa cháy khắp nơi, lan rộng như bão tố trong chốc lát. Đường sá ngập xác người chết cháy thui, co quắp lại, bị chết đúng lúc họ đang cố chạy thoát khỏi đám cháy. Có người chết nằm xoài ra giữa đất, co rúm lại như có người khổng lồ từ núi cao đổ lửa xuống.

Hiroshima không còn là một thành phố mà chỉ còn là một sa mạc lửa. Phía đông, phía tây, tất cả đều bị san bằng, tất cà đều bị thiêu trụi...”.

Theo Mishihico Hashiya - Báo Hiroshima (Nguyên Nghĩa Dân dịch từ sách giáo khoa Lịch sử lớp đệ tam của Pháp - 1979).

*Câu hỏi:* Hành động ném bom nguyên tử của Mỹ xuống thành phố Hiroshima của Nhật Bản vi phạm quyền nào của con người?

- Bài tập 2:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **PHIẾU BÀI TẬP**  Họ và tên: ........................................................................................... Lớp: ..............................................  ***Bài 1.*** Em hãy cho biết việc làm nào dưới đây là thể hiện công dân tự giác thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về kinh tế. Vì sao? | | |
| **Khẳng định** | **Đúng/ Sai** | **Giải thích** |
| A. Bạn P nộp hồ sơ và được trúng tuyển vào Công ty A làm việc. | Sai | Vì bạn P nộp hồ sơ và trúng tuyển vào Công ty A làm việc, P thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân về xã hội (quyền có việc làm). |
| B. Ông V được pháp luật bảo hộ khi bị người khác xâm phạm về tính mạng, sức khỏe. | Sai | Vì ông V thực hiện quyền công dân về dân sự. |
| C. Bạn M tích cực học tập khi được Nhà nước hỗ trợ và cộng điểm vào đại học, vì là học sinh vùng cao. | Sai | Vì bạn M thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân về văn hoá, giáo dục. |
| D. Chị Q tham gia đóng góp ý kiến cho việc sửa đổi Hiến pháp năm 2013. | Sai | Vì chị Q thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân về chính trị. |
| E. Anh D viết đơn tố cáo ông H cán bộ xã về hành vi chiếm đoạt tài sản của Nhà nước. | Sai | Vì anh D thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân về chính trị. |
| G. Anh N nộp thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được cơ quan thuế nhắc nhở. | Đúng | Vì anh N thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước là thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân về kinh tế. |

- Bài tập 3:Em hãy cho biết hành vi nào sau đây vi phạm quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân về dân sự. Vì sao?

1) Anh A vào nhà của bà H mà không được sự đồng ý của bà H.

2) Hành vi của Công ty X tự ý chấm dứt hợp đồng lao động với chị D khi chị đang nghỉ chế độ thai sản là hành vi vi phạm pháp luật, vì trong trường hợp này Công ty X đã vi phạm khoản 4 Điều 123 Bộ luật Lao động, trong đó quy định “không được xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động đang trong thời gian nghỉ thai sản”.

*c. Tổ chức thực hiện:*

- Bài tập 1 thực hiện sau khi tổ chức xong hoạt động 1, phần hình thành kiến thức mới.

- Bài tập 2: Giao học sinh về nhà làm bài tập, kiểm tra trong tiết 2 của bài.

- Bài tập 3 thực hiện sau khi tổ chức xong hoạt động 2, phần hình thành kiến thức mới.

**4. Hoạt động vận dụng**

*a. Mục tiêu:* Học sinh biết chủ động tìm hiểu và thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân phù hợp với lứa tuổi.

*b. Nội dung:*Viết bài thuyết trình 200 từ về quy định về quyền con người trong đối với nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương ở Việt Nam và đề xuất giải pháp để xây dựng văn hóa thực hiện quyền con người tỏng nhà trường

*c. Sản phẩm:*Bài thuyết trình của học sinh.

*d. Tổ chức thực hiện:* Giáo viên yêu cầu học sinh thực hiện ở nhà và nộp lên trang thông tin của lớp sau một tuần để tổ chức bình chọn bài thuyết trình hay nhất.

2. Lớp 11: Chủ đề “Ý tưởng, cơ hội kinh doanh và các năng lực cần thiết của người kinh doanh”

Mức độ tích hợp liên hệ:

Tích hợp liên hệ ở yêu cầu cần đạt 4: Chỉ ra năng lực cần thiết của người kinh doanh trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệm nhằm đảm bảo các quyền: quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

**Ý TƯỞNG, CƠ HỘI KINH DOANH VÀ   
CÁC NĂNG LỰC CẦN THIẾT CỦA NGƯỜI KINH DOANH  
*(Dự kiến 05 tiết)***

I. MỤC TIÊU

**1. Kiến thức**

- Nêu được thế nào là ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh.

- Giải thích được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh

**2. Về năng lực**

Góp phần giúp học sinh hình thành và phát triển các năng lực chung quy định trong chương trình tổng thể thông qua các năng lực đặc thù sau:

*Năng lực điều chỉnh hành vi:*

Nhận biết được ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh trong các trường hợp cụ thể; Biết cách xác định và đánh giá được các cơ hội kinh doanh trong các trường hợp cụ thể.

Xác định được các năng lực cần thiết của người kinh doanh; năng lực cần thiết của người kinh doanh trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệm nhằm đảm bảo các quyền: quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên.

Phân tích được ý tưởng kinh doanh và năng lực kinh doanh của bản thân.

*Năng lực phát triển bản thân*:

Xây dựng được ý tưởng kinh doanh dưới dạng bài tập thực hành.

Giải thích vai trò của ý tưởng kinh doanh, các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.

**3. Về phẩm chất**

*Chăm chỉ:* Tự giác tìm tòi, học hỏi các năng lực cần thiết của người kinh doanh; tự giác rèn luyện các năng lực kinh doanh của bản thân.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy tính, tivi, màn hình trình chiếu.

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập Giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 11.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**1. Hoạt động mở đầu**

*a. Mục tiêu:* Học sinh bước đầu nhận biết ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh; nhận xét, đánh giá được cơ hội kinh doanh

*b. Nội dung:* Đọc thông tin trả lời câu hỏi:

1) Em hãy xác định lý do mẹ của bạn B đề nghị mở quán ăn tại nhà?

2) Em có nhận xét như thế nào về các cơ hội kinh doanh trong trường hợp?

*Thông tin:* Kinh doanh quán ăn tại nhà.

“Khu nhà của B nằm ở trung tâm, dân cư đông nhưng số lượng các quán ăn thưa thớt. Nhận thấy đây là cơ hội tốt để có thể tận dụng các điều kiện sẵn có để tăng thêm thu nhập cho gia đình nên mẹ đã bàn với các thành viên trong gia đình về việc mở quán ăn tại nhà. Theo kế hoạch, điều kiện kiên quyết là tay nghề, độ sạch sẽ và sự chịu khó đi tìm nguồn, lựa chọn những thực phẩm tươi sạch. Gia đình B có phòng khách, sân vườn rộng nên mẹ dự tính phòng khách và khu vực sân của gia đình sẽ sửa chữa lại, mua sắm bàn ghế, tranh ảnh trang trí làm nơi kinh doanh”.

*c. Sản phẩm:*

1) Khu nhà nằm ở trung tâm, dân cư đông nhưng số lượng các quán ăn thưa thớt; sân vườn và phòng khách rộng; mẹ B nấu ăn giỏi.

2) *Thuận lợi:* Vị trí địa lý và cơ sở vật chất ban đầu; cơ hội thành công cao. *Khó khăn:* Kinh nghiệm; tính cạnh tranh.

*d. Tổ chức thực hiện:*

1) Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, trả lời hai nhiệm vụ ra vở/giấy nháp.

2) Hướng dẫn học sinh thảo luận cập đôi để xác định rõ yêu cầu của hai nhiệm vụ:

- Lựa chọn hai cặp đôi báo cáo; các nhóm khác ghi chép, nêu câu hỏi cho từng cặp.

- Yêu cầu học sinh chia sẻ, thảo luận về báo cáo của từng cặp; nhận xét theo kỹ thuật 321.

- Giáo viên tổng hợp và nêu vấn đề tìm hiểu nội dung của chủ đề:

+ Thế nào là ý tưởng, cơ hội kinh doanh.

+ Các năng lực cần thiết của người kinh doanh.

**2. Hoạt động hình thành kiến thức**

***2.1. Tìm hiểu về ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh***

*a. Mục tiêu:*

*-* Phân biệt được ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh.

- Nhận xét, đánh giá được cơ hội kinh doanh; các nguồn giúp tạo ý tưởng kinh doanh.

*b. Nội dung:*

Dựa vào thông tin và kết quả thảo luận trong hoạt động mở đầu, em hãy xác định:

1) Đâu là ý tưởng kinh doanh, đâu là cơ hội kinh doanh.

2) Ý tưởng kinh doanh trong thông tin được bắt đầu từ những nguồn nào?

3) Em hiểu thế nào là ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh.

*c. Sản phẩm:*

1) Ý tưởng: Mở quán ăn tại nhà:

- Ý tưởng kinh doanh đến từ hai yếu tố cơ bản: nội tại (sự đam mê; hiểu biết): mẹ B nấu ăn giỏi; cơ hội bên ngoài (khu nhà nằm ở trung tâm, dân cư đông nhưng số lượng các quán ăn thưa thớt; sân vườn và phòng khách rộng).

***-*** Cơ hội: Các dấu hiệu nhận diện cơ hội kinh doanh bao gồm: tính hấp dẫn, ổn định, đúng thời điểm, khả năng duy trì sản phẩm, dịch vụ và tạo ra giá trị cho người tiêu dùng.

***-*** Căn cứ vào thông tin xác định cơ hội: Khu nhà nằm ở trung tâm, dân cư đông nhưng số lượng các quán ăn thưa thớt; sân vườn và phòng khách rộng; mẹ B nấu ăn giỏi.

2)Các thông tin trên cho thấy ý tưởng kinh doanh đến từ hai yếu tố cơ bản là lợi thế nội tại (sự đam mê; hiểu biết): Nấu ăn ngon và mong muốn cải thiện thu nhập của gia đình và cơ hội bên ngoài (nhu cầu sản phẩm trên thị trường; nguồn cung ứng; sự cạnh tranh; vị trí triển khai): Khu nhà nằm ở trung tâm, dân cư đông nhưng số lượng các quán ăn thưa thớt; sân vườn và phòng khách rộng.

3)Cơ hội kinh doanh là những điều kiện, hoàn cảnh thuận lợi để nhà kinh doanh (doanh nghiệp) thực hiện được mục tiêu kinh doanh (thu lợi nhuận).

*d. Tổ chức thực hiện:*

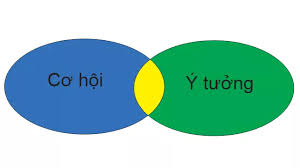
- Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm: chia lớp thành hai nhóm lớn, mỗi nhóm lớn gồm nhiều nhóm nhỏ (mỗi bàn làm một nhóm nhỏ); Các nhóm trả lời hai câu hỏi ra bảng phụ hoặc giấy A3, A4 theo phân công.

+ Nhóm 1: Câu 1, 3.

+ Nhóm 2: Câu 2, 3.

- Hướng dẫn các nhóm thảo luận chéo để hoàn thành câu trả lời (ghi rõ những điểm giống nhau, điểm khác nhau và kết quả thống nhất).

- Tổ chức đại diện hai nhóm báo cáo kết quả; các nhóm nhận xét và nêu vấn đề cho nhóm báo cáo; giáo viên cử hai thư ký ghi chép nội dung báo cáo.

- Giáo viên tổng kết, chốt kiến thức về từng nhiệm vụ; chốt ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh theo sơ đồ sau:

***2.2. Tìm hiểu tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh***

*a. Mục tiêu:*Học sinh xác định được tầm quan trọng của việc xây dựng ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá các cơ hội kinh doanh.

*b. Nội dung:* Đọc thông tin trả lời câu hỏi:

- Thông tin 1: “Có thể thấy ý tưởng kinh doanh quyết định tồn bại của một doanh nghiệp khi kinh doanh sản phẩm, dịch vụ hay hàng hóa bất kỳ trên thị trường. Với nền kinh tế mở cửa hiện nay cho phép các thương nhân có điều kiện giao lưu học hỏi tiếp thu các ý tưởng kinh doanh đa dạng từ nước ngoài và vận dụng sáng tạo vào địa phương, khả năng kinh tế... Ý tưởng kinh doanh mới mẻ độc đáo và hấp dẫn sẽ đưa hàng hóa và sản phẩm, dịch vụ tới người tiêu dùng gần hơn, thúc đẩy hoạt động mua bán và sử dụng hàng hóa và dịch vụ từ đó mang lại lợi nhuận kinh tế cho doanh nghiệp”.

- Thông tin 2: “Thời gian qua rất nhiều người dân Thành phố Hồ Chí Minh đã đến các cửa hàng của cảu anh A để mua bánh mì thanh long ăn thử. Có thể thấy rất nhiều người khen ngợi bánh mì thanh long có vị độc đáo, vị chua nhẹ, hạt thanh long lẫn vào giòn và ngậy như hạt mè đen, đặc biệt bánh mì có màu sắc rất bắt mắt”.

Câu hỏi:

1) Yếu tố quyết định của ý tưởng kinh doanh thành công?

2) Vai trò của ý tưởng kinh doanh và xác định, đánh giá cơ hội kinh doanh?

3) Lấy ví dụ minh họa về vai trò của ý tưởng kinh doanh và việc tận dụng được cơ hội kinh doanh.

*c. Sản phẩm:*

1) *Tính vượt trội:* giúp tạo ra lợi thế cho một tổ chức hay cá nhân. Cho nên ý tưởng phải nhấn mạnh ưu thế cụ thể nào đó về sản phẩm, dịch vụ hơn hẳn mọi thứ hiện có. Tập trung chủ yếu là các sản phẩm công nghệ cao: hàng điện tử, máy móc...

*Tính độc đáo:* đây là khía cạnh nổi bật nhất, thể hiện sự sáng tạo có thể sử dụng. Nếu không thể đạt tính vượt trội do khả năng đầu tư công nghệ hạn chế, hãy nhấn mạnh sự khác biệt.

*Tính mới mẻ:* đây là khía cạnh thể hiện giá trị của một chúng. Chúng cần phải là ý tưởng đầu tiên, chưa có trên thị trường. Việc sử dụng một sản phẩm cũ hay dịch vụ cũ sẵn có sẽ không thể hiện tính sáng tạo nên không thể gọi là “business ideas” (ý tưởng kinh doanh) một cách đúng nghĩa được.

*Tính thực dụng:* đây là khía cạnh chứng tỏ lợi nhuận thật sự của chúng. Thông thường “business idea” được tạo ra phải xoay quanh nhu cầu của con người, không thể xa rời điều đó. Chúng tìm kiếm trong thực tế các nhu cầu và đáp ứng chúng. Các doanh nghiệp vì vậy thường chú trọng các hoạt động lấy ý kiến khách hàng để cải tiến sản phẩm. Một số doanh nghiệp thậm chí đi xa hơn, họ tạo ra các nhu cầu.

Ý tưởng kinh doanh quyết định tồn bại của một doanh nghiệp.Ý tưởng kinh doanh mới mẻ độc đáo và hấp dẫn sẽ đưa hàng hóa và sản phẩm, dịch vụ tới người tiêu dùng gần hơn, thúc đẩy hoạt động mua bán và sử dụng hàng hóa và dịch vụ từ đó mang lại lợi nhuận kinh tế cho doanh nghiệp.

2) Thời gian qua rất nhiều người dân Sài Gòn đã đến các cửa hàng của anh A để mua bánh mì thanh long ăn thử. Có thể thấy rất nhiều người khen ngợi bánh mì thanh long có vị độc đáo, vị chua nhẹ, hạt thanh long lẫn vào giòn và ngậy như hạt mè đen, đặc biệt bánh mì có màu sắc rất bắt mắt.

Có thể thấy việc làm bánh mì thanh long là một ý tưởng kinh doanh độc đáo của anh A để thúc đẩy kinh doanh. Bánh mì được sử dụng nguyên liệu thanh long lần đầu xuất hiện trên thị trường, rất độc đáo mới mẻ và khả thi đáp ứng nhu cầu tiêu dùng.

*d. Tổ chức thực hiện:*

- Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm: mỗi bàn làm một nhóm, trả lời hai câu hỏi ra bảng phụ hoặc giấy A3, A4 theo phân công.

- Hướng dẫn các nhóm thảo luận chéo để hoàn thành câu trả lời (ghi rõ những điểm giống nhau, điểm khác nhau và kết quả thống nhất).

- Tổ chức đại diện hai nhóm báo cáo kết quả; các nhóm nhận xét và nêu vấn đề cho nhóm báo cáo; giáo viên cử hai thư ký ghi chép nội dung báo cáo.

- Giáo viên tổng kết, chốt kiến thức về từng nhiệm vụ; trong đó làm rõ:

+ Mối quan hệ giữa ý tưởng kinh doanh và cơ hội kinh doanh được thể hiện qua sơ đồ: ý tưởng kinh là điểm xuất phát của quá trình sản xuất kinh doanh (ý tưởng đó có thể đến từ nội tại bên trong hoặc cơ hội bên ngoài); khi đã xây dựng được ý tưởng kinh doanh, người sản xuất kinh doanh sẽ đánh giá cơ hội kinh doanh và đưa ra quyết định để biến ý tưởng kinh doanh thành hiện thực.

Cách đánh giá cơ hội kinh doanh theo mô hình SWOT  
 bao gồm bốn thành tố: Điểm mạnh (Strengths) - Điểm yếu (Weaknesses) - Cơ hội (Opportunities) - Thách thức (Threats). Người kinh doanh có thể sử dụng mô hình này để xác định, đánh giá cơ hội kinh doanh của mình có khả thi hay không.

***2.3. Thực hành xây dựng ý tưởng kinh hoanh***

*a. Mục tiêu:*Học sinh xây dựng được ý tưởng kinh hoanh và xác định được các năng lực cần thiết của người kinh doanh trên cơ sở phân tích ý tưởng kinh doanh của bản thân.

*b. Nội dung:*

1) Em hãy lựa chọn một lĩnh vực kinh doanh phù hợp với bản thân để xây dựng ý tưởng kinh doanh của bản thân.

2) Em hãy dựa vào mô hình dưới đây để đánh giá ý tưởng kinh doanh của bản thân.



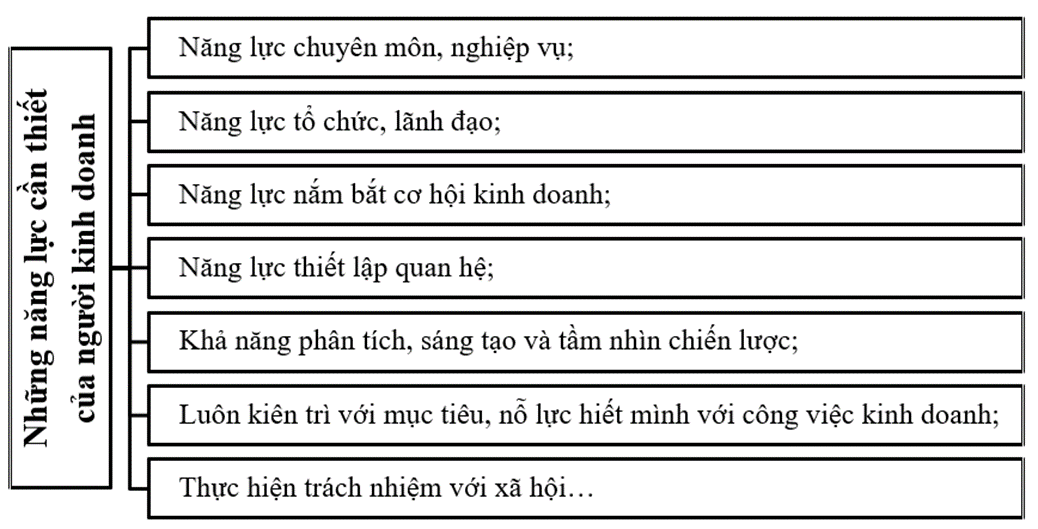
3) Trên cơ sở kết quả phân tích em hãy tự đánh giá các năng lực kinh doanh của bản thân.

4) Theo em, người kinh doanh cần có năng lực nào?

*c. Sản phẩm:*

1) Câu 1, 2, 3 là sản phẩm thực hành của học sinh: Yêu cầu bài thực hành trình bày sạch đẹp, gắn với đặc trưng và điều kiện thực tiễn của bản thân.

2) Câu 4 là năng lực cần thiết của người kinh doanh:



Liên hệ với quyền con người bằng các thông tin, hình ảnh trong việc thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với các quyền: quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên của một số doanh nghiệp tiêu biểu tại địa phương.

*d. Tổ chức thực hiện:*

Đối với các nhiệm vụ 1, 2, 3:

- Yêu cầu học sinh làm việc cá nhân các yêu cầu 1, 2, 3 ở nhà và nộp sản phẩm theo đường link https://padlet.com/ của lớp (thời gian 01 tiết).

- Tổ chức cho học sinh bình chọn sản phẩm hay nhất trên trang padlet; chọn 03 sản phẩm được bình chọn tốt nhất; 02 SP ít được bình chọn nhất để báo cáo.

- Tổ chức báo cáo kết quả; các học sinh nhận xét và nêu vấn đề cho người báo cáo; giáo viên cử hai thư ký ghi chép nội dung báo cáo.

- Giáo viên tổng kết, chốt kiến thức về từng nhiệm vụ.

Đối với nhiệm vụ 4:

- Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm: mỗi bàn làm một nhóm, trả lời hai câu hỏi ra bảng phụ hoặc giấy A3, A4 theo phân công.

- Hướng dẫn các nhóm thảo luận chéo để hoàn thành câu trả lời (ghi rõ những điểm giống nhau, điểm khác nhau và kết quả thống nhất).

- Tổ chức đại diện hai nhóm báo cáo kết quả; các nhóm nhận xét và nêu vấn đề cho nhóm báo cáo; giáo viên cử hai thư ký ghi chép nội dung báo cáo.

- Giáo viên tổng kết, chốt kiến thức về từng nhiệm vụ; trong đó làm rõ năng lực cần thiết của người kinh doanh (trong mục sản phẩm 4).

**3. Hoạt động luyện tập**

*a. Mục tiêu:* Củng cố các yêu cầu cần đạt của chủ đề.

*b. Nội dung:*

- Bài tập 1:Dựa vào thông tin dưới đây em hãy phân tích hai yếu tố cơ bản (yếu tố nội tại (sự đam mê; hiểu biết): cơ hội bên ngoài của các ý tưởng kinh doanh trong mỗi thông tin:

*Thông tin 1:* Nuôi lợn rừng.

“Lợn rừng là sản phẩm chăn nuôi “hot” vào thời điểm hiện tại. vào thời điểm hiện tại số lượng lớn thịt lợn bẩn đang lan tràn khá là nhiều trong thị trường và người mua ai cũng có nhu cầu ”ăn ngon” đã chuyển dần sang sử dụng sản phẩm thịt lợn rừng đảm bảo chất lượng bữa ăn cho gia đình. Chăn nuôi lợn rừng rất thích hợp ở những khu vực nông thôn có diện tích canh tác lớn, nhất là những địa điểm có đồi núi”.

*Thông tin 2:* Trồng rau củ sạch.

“Đây cũng là một trong những xu thế bán hàng đang được chú ý vào thời điểm hiện tại. có khả năng nó sẽ giúp bạn trả lời câu hỏi kinh doanh gì tại nhà đạt kết quả tốt hiện nay? Khi mong muốn dùng rau củ quả sạch của người tiêu dùng ngày càng tăng cao. thế nhưng, chi phí và công sức đầu tư cho việc này không hề nhỏ. bạn phải cần cân nhắc và chuẩn bị kỹ lưỡng. nếu có sự quyết tâm, chăm chỉ và có niềm đam mê, bạn cụ thể sẽ thành công!”.

*Thông tin 3:* “Đồ dùng Eco là một khái niệm không còn xa lạ ở thời điểm hiện tại. Nó là những sản phẩm vật dụng thân thiện với môi trường. Ví dụ như ống hút giấy, bàn chải tre, túi giấy... Với xu hướng đang dần nóng lên toàn cầu bởi tác động của chất thải khó phân hủy. Dẫn đến việc sử dụng các sản phẩm xanh sạch là điều rất nhiều người ủng hộ. Và nhiều người đang dần có ý thức về việc này”.

- Bài tập 2: Em hãy phân tích để xác định tính vượt trội, tính mới mẻ, tính độc đáo, tính hực dụng của mỗi ý tưởng kinh doanh trong các thông tin trên.

- Bài tập 3: Hãy vẽ sơ đồ tư duy về các năng lực cần thiết của người kinh doanh và cho biết tầm quan trọng của mỗi năng lực đó.

*c. Tổ chức thực hiện:*

Bài tập 1 thực hiện sau khi tổ chúc xong HĐ 1

Bài tập 2 thực hiện sau khi tổ chúc xong HĐ 2

Bài tập 3 thực hiện sau khi tổ chúc xong HĐ 2

**4. Hoạt động vận dụng**

*a. Mục tiêu:* Giúp học sinh hoàn thiện bản mô tả ý tưởng kinh doanh của bản thân từ đó xác định được năng lực kinh doanh của bản thân.

*b. Nội dung:*

1) Em hãyhoàn thiện bản mô tả ý tưởng kinh doanh của bản thân sau khi được nhận xét, góp ý.

2) Căn cứ vào bản mô tả, em hãy tự đánh giá năng lực kinh doanh của bản thân và đề xuất cách khắc phục

*Yêu cầu:* Bản mô tả và bản tự đánh giá đăng trên trang https://padlet.com/ của nhóm.

**3.** **Lớp 12: Chủ đề** “M**ột số quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế**”

Mức độ tích hợp liên hệ:

- Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 1: Quyền có chỗ ở và quyền sở hữu nhà ở; quyền sở hữu thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, quyền thừa kế; quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định.

- Tích hợp bộ phận hoặc liên hệ yêu cầu cần đạt 2, 3: Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác.

- Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

MỘT SỐ QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ KINH TẾ

*(Dự kiến 09 tiết)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về kiến thức**

Nêu được các quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh, nộp thuế, sở hữu tài sản, tôn trọng tài sản của người khác.

**2. Về năng lực**

*Năng lực điều chỉnh hành vi:*

Xác định được trách nhiệm của công dân, của bản thân trong việc tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế bằng những hành vi phù hợp; tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác.

Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm vi phạm đơn giản thường gặp về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế; nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm trong một số tình huống cụ thể

*Năng lực tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế - xã hội:*

Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác trong thực tiễn cuộc sống.

**3. Về phẩm chất**

*Trách nhiệm:* Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế bằng những hành vi phù hợp; tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0.

- Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập Giáo dục kinh tế và pháp luật (nếu có).

- Hình ảnh, thông tin, tình huống liên quan đến bài học.

- Phiếu học tập.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

**1. Hoạt động mở đầu**

*a. Mục tiêu:* Tạo hứng thú học tập, đánh giá được mức độ hiểu biết ban đầu của học sinh về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh, nộp thuế, sở hữu tài sản, tôn trọng tài sản của người khác.

*b. Nội dung:*Chơi trò chơi: Ai nhanh hơn. Em hãy kể những quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế.

*c. Sản phẩm:* Học sinh kể được các quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh doanh, nộp thuế, sở hữu tài sản, tôn trọng tài sản của người khác.

*d. Tổ chức thực hiện:*

- Công bố cách chơi, luật chơi:

+ Chia lớp thành hai đội, mỗi đội có thời gian chuẩn bị 05 phút. Các đội thảo luận và ghiquyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế ra giấy/bảng phụ.

+ Mỗi đội chọn 05 người, trong thời gian 03 phút ghi tên các quyền, nghĩa vụ lên bảng theo từng đội.

+ Yêu cầu các thành viên của mỗi đội xếp hàng và ghi tên các quyền và nghĩa vụ theo thứ tự cho đến hết thời gian (không giới hạn số lần/thành viên).

- Tổ chức cho học sinh chơi trò chơi: cử quản trò và thư ký   
hô khẩu hiệu và thống kê kết quả cuộc chơi.

- Tổng kết kết quả của từng đội để tìm ra đội thắng cuộc; nêu vấn đề: Pháp luật quy định như thế nào về quyền, nghĩa vụ của công dân về kinh tế.

**2. Hoạt động hình thành kiến thức**

***2.1. Hoạt động 1: Tìm hiểu quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của công dân về kinh tế***

*a. Mục tiêu:* Trình bày được các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân về kinh doanh, nộp thuế, sở hữu tài sản, tôn trọng tài sản của người khác.

*b. Nội dung:*

1) Tìm hiểu và trình bày quy định của pháp luật về nội dung của các quyền, nghĩa vụ của công dân về kinh doanh.

2) Tìm hiểu và trình bày quy định của pháp luật về nội dung của các quyền, nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản.

3) Tìm hiểu và trình bày quy định của pháp luật về nội dung của các quyền, nghĩa vụ của công dân về tôn trọng tài sản của người khác.

4) Tìm hiểu và trình bày quy định của pháp luật về nghĩa vụ đóng thuế của công dân.

*c. Sản phẩm:*Mỗi nhóm hoàn thành:

1) Bài thuyết trình trên power point/sơ đồ tư duy/tạp chí...

2) Video trình bày quá trình thực hiện.

3) Video thuyết trình sản phẩm nhóm.

*d. Tổ chức thực hiện:*

Tổ chức theo phương pháp dạy học dự án:

- Giáo viên chia lớp thành bốn nhóm lớn (mỗi bàn = nhóm nhỏ), giao nhiệm vụ cho từng nhóm:

+ Dãy bàn 1: Nghiên cứu báo cáo yêu cầu 1.

+ Dãy bàn 2: Nghiên cứu báo cáo yêu cầu 2.

+ Dãy bàn 3: Nghiên cứu báo cáo yêu cầu 3.

+ Dãy bàn 4: Nghiên cứu báo cáo yêu cầu 4.

- Hướng dẫn các nhóm học sinh thảo luận xác định cách làm; xây dựng kế hoạch, phân công thực hiện nhiệm vụ và giám sát kết quả thực hiện nhiệm vụ theo phân công (thời gian chuẩn bị dự kiến 02 tiết).

- Yêu cầu về sản phẩm: Hoàn thiện sản phẩm theo nhóm nhỏ.

+ Mỗi nhóm ghi rõ tên điều, khoản/văn bản luật; nội dung quyền, nghĩa vụ theo phân công (nộp bản phân công cho giáo viên).

+ Các nhóm lựa chọn hình thức trình bày sản phẩm: Sản phẩm gồm: bài thuyết trình trên PP/sơ đồ tư duy/tạp chí...; video trình bày quá trình thực hiện; video thuyết trình sản phẩm nhóm.

+ Các nhóm hoàn thiện sản phẩm và gửi sản phẩm lên nhóm Zalo của lớp: ký hiệu, sản phẩm, nhóm... (các nhóm có 01 tiết hoàn thiện sản phẩm).

+ Giáo viên tổ chức cho học sinh bình chọn ra những dự án hay nhất, có thuyết trình hay và thông điệp ý nghĩa.

+ Sau hoạt động này, học sinh có thể tự nhận xét quá trình thực hiện dự án và tự đánh giá sản phẩm nhóm mình và đánh giá nhóm khác. giáo viên đánh giá toàn bộ quá trình thực hiện dự án của học sinh, đánh giá sản phẩm và rút kinh nghiệm của cả ba nhóm và chốt kiến thức về các quyền: quyền có chỗ ở và quyền sở hữu nhà ở; quyền sở hữu thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, quyền thừa kế; quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; tôn trọng tài sản của người khác.

+ Liên hệ với quyền con người

***2.2. Hoạt động 2: Thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế***

*a. Mục tiêu:*

- Phân tích, đánh giá được các hành vi vi phạm đơn giản thường gặp về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế; nhận biết được tác hại, hậu quả của hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế.

- Tự giác thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về kinh tế bằng những hành vi phù hợp.

*b. Nội dung:*

- Mỗi nhóm sưu tầm và lựa chọn một video hoặc thông tin thể hiện việc thực hiện đúng/ hoặc không đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ công dân theo phân công tại hoạt động 1.

- Phân tích Video hoặc thông tin để:

+ Xác định hành vi thực hiện đúng hoặc hành vi vi phạm quyền, nghĩa vụ của công dân.

+ Phân tích tác hại, hậu quả của những hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong từng trường hợp cụ thể.

*c. Sản phẩm:*

- 01 video hoặc thông tin thể hiện việc thực hiện đúng/ hoặc không đúng quy định của pháp luật.

- Học sinh phân tích được hành vi thực hiện đúng; hành vi vi phạm và hậu quả.

*d. Tổ chức thực hiện:*

- Yêu cầu học sinh sưu tầm vi deo hoặc thông tin theo nhóm thực hiện nhiệm vụ 1:

+ Dãy bàn 1: Hành vi thực hiện đúng/chưa đúng quyền, nghĩa vụ của công dân về kinh doanh.

+ Dãy bàn 2: Hành vi thực hiện đúng/chưa đúng quyền, nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản.

+ Dãy bàn 3: Hành vi thực hiện đúng/chưa đúng quyền, nghĩa vụ của công dân tôn trọng tài sản của người khác.

+ Dãy bàn 4: Hành vi thực hiện đúng/chưa đúng nghĩa vụ nộp thuế của công dân.

- Hướng dẫn học sinh phân tích video/thông tin và trả lời các các câu hỏi ở nhiệm vụ 2 ra giấy/bảng phụ/khuyến khích báo cáo sản phẩm tên máy tính.

- Lựa chọn bốn nhóm báo cáo sản phẩm.

- Học sinh thảo luận và giáo viên chốt kiến thức.

**3. Hoạt động luyện tập**

*a. Mục tiêu:* Củng cố kiến thức của chủ đề.

*b. Nội dung:*

- Bài tập 1:

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  *Nhóm số: ...................................................... Lớp: ..................*  1. Em hiểu thế nào về quyền tự do kinh doanh của công dân?  2. Em hiểu thuế là gì? Nêu một số ví dụ về các loại thuế mà công dân phải nộp  3. Theo quy định của pháp luật tài sản là gì? Tài sản bao gồm những vật nào?  4. Theo Điều 158 Bộ Luật Dân sự, quyền sở hữu tài sản bao gồm những quyền nào?  5. Em hiểu như thế nào về tôn trọng tài sản của người khác. |

- Bài tập 2:

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  *Nhóm số: ...................................................... Lớp: ..................*  *Yêu cầu:* Em hãy đọc tình huống và trả lời câu hỏi.  *Tình huống:* Trong đợt kiểm tra, anh H cán bộ quản lý thị trường phát hiện ra doanh nghiệp của anh M trốn thuế ... và doanh nghiệp của anh K cũng trốn thuế ... Căn cứ vào quy định của pháp luật, anh H cán bộ quản lý thị trường đã tiến hành xử phạt hành chính với cả hai doanh nghiệp.  *Câu hỏi:* Doanh nghiệp của anh M và anh K vi phạm quy định nào của pháp luật? Hành vi của doanh nghiệp của anh M và anh K để lại những hậu quả nào? |

- Bài tập 3: Mỗi nhóm xây dựng một tiểu phẩm về tình huống vi phạm pháp luật về quyền, nghĩa vụ công dân về kinh tế để: (1) đóng vai và thể hiện tiểu phẩm (quay video gửi lên trang của lớp); (2) nêu câu hỏi tình huống về tiểu phẩm mình đã thể hiện.

*c. Sản phẩm:*Học sinh hoàn thành được phiếu bài tập.

*d. Tổ chức thực hiện:*

Phiếu 1: Thực hiện sau khi hoàn thành hoạt động 1.

Phiếu 2: Thực sau khi hoàn thành hoạt động 2.

- Bài tập 4: Giao học sinh chuẩn bị và hoàn thành ở nhà; tổ chức bình chọn hai nhóm được đánh giá cao nhất thể hiện trước lớp.

**4. Hoạt động vận dụng**

*a. Mục tiêu:* Học sinh vận dụng những kiến thức đã học vào nhận diện, đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật về quyền bình đẳng của công dân ở địa phương.

*b. Nội dung:* Giáo viên yêu cầu học sinh lấy ví dụ về thực hiện quyền, nghĩa vụ của công dân về kinh tế ở địa phương và nhận xét, đánh giá hành vi, việc làm đó (lựa chọn) một trong bốn lĩnh vực: về kinh doanh, nộp thuế, sở hữu tài sản, tôn trọng tài sản của người khác.

*c. Sản phẩm:*

Ví dụ về các hành vi đúng hoặc vi phạm quyền về kinh doanh, nộp thuế, sở hữu tài sản, tôn trọng tài sản của người khácở địa phương và nhận xét của học sinh viết thành báo cáo và gửi lên nhóm zalo của lớp

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban Chỉ đạo Nhân quyền của Chính phủ, Văn phòng Thường trực, Tài liệu tổng kết Chỉ thị 12 của Ban bí thư Trung ương Đảng về “Vấn đề quyền con người và quan điểm, chủ trương của Đảng ta”, Nhà xuất bản Lý luận chính trị - Hành chính

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng BGDĐT về ban hành Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể; và Chương trình môn Giáo dục công dân.

3. Văn kiện LHQ A/51/506/Add.1, phụ lục, đoạn 2 – tại <http://www.ohchr.org> hoặc liên hệ Văn phòng Cao ủy viên LHQ về quyền con người.

4.https://www.ohchr.org/en/resources/educators/human-rights-educationtraining/ world-programme-human-rights-education/phase3

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO** |  |
|  |  |

**PHỤ LỤC**

**KHUNG NỘI DUNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI   
DÀNH CHO HỌC SINH CẤP THCS VÀ CẤP THPT**

*(Kèm theo Quyết định số 4745 /QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2022   
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo***)**

**1. Căn cứ pháp lý**

- Căn cứ vào quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân; đưa nội dung giáo dục quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân và cam kết tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết hoặc tham gia[[1]](#footnote-1).

- Căn cứ vào Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05 tháng 9 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân; Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 21 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

- Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục phổ thông.

Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành khung nội dung giáo dục quyền con người dành cho học sinh cấp THCS và cấp THPT.

2. Mục tiêu của khung nội dung quyền con người

- Trang bị kiến thức cơ bản về quyền và các giá trị của quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân cho HS cấp THCS và cấp THPT;

- Xây dựng thái độ, ý thức tôn trọng quyền con người, quyền công dân, sự khoan dung, bình đẳng, đoàn kết dân tộc và quốc tế cho HS cấp THCS và cấp THPT;

- Phát triển kĩ năng tự bảo vệ quyền của bản thân và của người khác; công nhận và tôn trọng quyền con người, quyền công dân trong cuộc sống hàng ngày; tôn trọng sự khác biệt, không phân biệt đối xử dựa trên cơ sở về chủng tộc, nguồn gốc xuất thân, địa vị xã hội, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, dân tộc… cho HS cấp THCS và cấp THPT.

3. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực

Khung nội dung giáo dục quyền con người dành cho học sinh cấp THCS và cấp THPT góp phần hình thành và phát triển các phẩm chất, năng lực được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ở các yêu cầu cần đạt sau:

3.1. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Phẩm chất | Cấp THCS | Cấp THPT |
| Nhân ái | - Trân trọng danh dự, sức khoẻ và cuộc sống riêng tư của người khác; Không đồng tình với cái ác, cái xấu; không cổ xuý, không tham gia các hành vi bạo lực; sẵn sàng bênh vực người yếu thế, thiệt thòi,...  - Tôn trọng sự khác biệt về nhận thức, phong cách cá nhân của những người khác; Tôn trọng sự đa dạng về văn hoá của các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và các dân tộc khác. | - Tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của mọi người; đấu tranh với những hành vi xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; tôn trọng sự khác biệt của mọi người  – Tôn trọng sự khác biệt về lựa chọn nghề nghiệp, hoàn cảnh sống, sự đa dạng văn hoá cá nhân.  – Cảm thông, độ lượng với những hành vi, thái độ có lỗi của người khác. |
| Trung thực | – Nghiêm túc nhìn nhận những khuyết điểm của bản thân và chịu trách nhiệm về mọi lời nói, hành vi của bản thân.  – Tôn trọng lẽ phải; bảo vệ điều hay, lẽ phải trước mọi người; khách quan, công bằng trong nhận thức, ứng xử. | Nhận thức và hành động theo lẽ phải; sẵn sàng đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ người tốt, điều tốt; tự giác tham gia và vận động người khác tham gia phát hiện, đấu tranh với các hành vi thiếu trung thực trong học tập và trong cuộc sống, các hành vi vi phạm chuẩn mực đạo đức và quy định của pháp luật. |
| Trách nhiệm | Có ý thức, trách nhiệm với bản thân, biết thể hiện trách nhiệm với gia đình và xã hội; Tôn trọng và thực hiện nội quy nơi công cộng; chấp hành tốt pháp luật về giao thông; có ý thức khi tham gia các sinh hoạt cộng đồng, lễ hội tại địa phương | Có ý thức, trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội; đánh giá được hành vi chấp hành kỉ luật, pháp luật của bản thân và người khác; đấu tranh phê bình các hành vi vô kỉ luật, vi phạm pháp luật. |

3.2. Yêu cầu cần đạt về năng lực

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Năng lực | Cấp THCS | Cấp THPT |
| Năng lực điều chỉnh hành vi | | |
| *Nhận thức chuẩn mực hành vi* | – Nêu được khái niệm, các nguyên tắc, giá trị cốt lõi về quyền con người; các cơ chế bảo vệ quyền con người quy định trong Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.  – Tôn trọng quyền con người của bản thân và của người khác. | – Trình bày được các kiến thức cơ bản về quyền con người; vai trò, trách nhiệm của các chủ thể nghĩa vụ trong việc tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người theo quy định của Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cơ chế quốc tế về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người; thực hiện quyền và nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.  – Tôn trọng quyền con người của bản thân và của người khác. |
| *Đánh giá hành vi của bản thân và người khác* | Nhận xét được các quyền con người, quyền công dân đang bị vi phạm trong gia đình, nhà trường và ngoài xã hội; nhận xét, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc tôn trọng, bảo vệ quyền của bản thân và của người khác. | Nhận xét, đánh giá được các quyền con người, quyền công dân đang bị xâm hại; các hành vi phạm là do các chủ thể nào gây ra; Có tư duy phản biện khi phân tích, đánh giá thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc tôn trọng, bảo vệ quyền của bản thân và của người khác. |
| *Điều chỉnh hành vi* | Tự điều chỉnh và giúp đỡ người khác điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực quyền con người | Tự điều chỉnh, nhắc nhở, giúp đỡ người khác điều chỉnh được cảm xúc, thái độ, hành vi phù hợp với chuẩn mực đạo đức, pháp luật trong thực hiện quyền con người |
| Năng lực phát triển bản thân | | |
| *Tự nhận thức bản thân* | Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân trong việc thực hiện quyền của bản thân và tôn trọng, bảo vệ quyền của người khác. | Tự đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu của bản thân, của người khác trong việc thực hiện quyền của bản thân và tôn trọng, bảo vệ quyền của người khác. |
| *Lập kế hoạch phát triển bản thân* | Xác định được mục tiêu, kế hoạch học tập, rèn luyện để thực hiện tốt quyền của bản thân và tôn trọng, bảo vệ quyền của người khác | Xác định được mục tiêu, kế hoạch, biện pháp học tập, rèn luyện để thực hiện tốt quyền của bản thân và tôn trọng, bảo vệ quyền của người khác |
| ***Thực hiện kế hoạch phát triển bản thân*** | – Thực hiện được quyền của bản thân và tôn trọng quyền của người khác.  – Thực hiện được mục tiêu, kế hoạch, phương pháp học tập, rèn luyện khắc phục được sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình thực hiện mục tiêu, kế hoạch đã đề ra. | – Thực hiện được và vận động, giúp đỡ người khác thực hiện quyền của bản thân và tôn trọng quyền của người khác; hướng tới các giá trị cao quý của quyền con người.  – Thực hiện và tự điều chỉnh được mục tiêu, kế hoạch, phương pháp học tập, rèn luyện khắc phục được sai sót, hạn chế của bản thân trong quá trình thực hiện mục tiêu, kế hoạch đã đề ra. |
| Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội | | |
| ***Tham gia hoạt động kinh tế – xã hội*** | –Vận dụng được các kiến thức đã học để xử lí một số tình huống trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến việc thực hiện quyền con người, quyền công dân;  – Có khả năng tham gia một số hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. | - Vận dụng được các kiến thức đã học để phân tích, đánh giá, xử lí các hiện tượng, vấn đề, tình huống trong thực tiễn cuộc sống liên quan đến việc thực hiện quyền con người, quyền công dân.  – Tham gia được một số hoạt động phù hợp với lứa tuổi để thực hiện quyền, nghĩa vụ công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội. |

4. Nội dung giáo dục quyền con người

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Cấp THCS** | **Cấp THPT** |
| 4.1. Những vấn đề chung về quyền con người, quyền công dân | - Nêu được khái niệm về quyền con người, quyền công dân;  - Nêu được một số đặc tính của quyền con người: Tính phổ quát và không thể chuyển nhượng; Tính không thể phân chia; Sự phụ thuộc lẫn nhau và quan hệ lẫn nhau giữa các quyền con người;  - Nêu được trách nhiệm của công dân trong thực hiện quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân và tôn trọng quyền của người khác.  - Nêu được các chủ thể có vai trò, trách nhiệm công nhận, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân đã được quy định trong hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | - Khái niệm, các nguyên tắc, giá trị cốt lõi về quyền con người, quyền công dân;  - Phân biệt được quyền con người, quyền công dân  - Phân tích được các cơ chế chủ yếu bảo vệ quyền con người quy định trong Hiến pháp, pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; cơ chế quốc tế về thúc đẩy và bảo vệ quyền con người; thực hiện quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong các lĩnh vực của đời sống xã hội.  - Tôn trọng quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của bản thân và của người khác.  - Nêu được các đặc tính của quyền con người: Tính phổ quát và không thể chuyển nhượng; Tính không thể phân chia; Sự phụ thuộc lẫn nhau và quan hệ lẫn nhau giữa các quyền con người; Bình đẳng và không phân biệt đối xử. |
| 4.2. Nội dung các quyền con người |  |  |
| 4.2.1. Nhóm các quyền chính trị và dân sự | - Nêu được nội dung cơ bản của các quyền chính trị:quyền bình đẳng trước pháp luật; quyền bầu cử, ứng cử; quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước; quyền biểu quyết khi nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân; quyền khiếu nại, quyền tố cáo; quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong bảo vệ, xây dựng Tổ quốc.  Tôn trọng các quyền chính trị của bản thân và của người khác.  - Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về chính trị. | - Trình bày được nội dung cơ bản của các quyền chính trị:quyền bình đẳng trước pháp luật; quyền bầu cử, ứng cử; quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước; quyền biểu quyết khi nhà nước tổ chức trưng cầu ý dân; quyền khiếu nại, quyền tố cáo; quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình; quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong bảo vệ, xây dựng Tổ quốc.  -Tôn trọng, bảo đảm thực hiện các quyền chính trị của bản thân và của người khác.  - Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về chính trị; phê phán các hành vi vi phạm quyền chính trị |
| - Nêu được nội dung cơ bản các quyền dân sự: quyền sống, quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm; quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; quyền có họ, tên; quyền thay đổi họ; quyền thay đổi tên; quyền xác định, xác định lại dân tộc; quyền được khai sinh, khai tử; quyền đối với quốc tịch; quyền của cá nhân đối với hình ảnh; quyền xác định lại giới tính; chuyển đổi giới tính; quyền kết hôn, ly hôn; quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình; quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo; quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín, bí mật cá nhân, bí mật gia đình; quyền suy đoán vô tội.  - Tôn trọng và bảo vệ các quyền dân sự của bản thân và của người khác  - Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền dân sự. | - Trình bày được nội dung cơ bản các quyền dân sự: quyền sống, quyền được bảo đảm an toàn về tính mạng, sức khỏe, thân thể; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm; quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình; quyền có họ, tên; quyền thay đổi họ; quyền thay đổi tên; quyền xác định, xác định lại dân tộc; quyền được khai sinh, khai tử; quyền đối với quốc tịch; quyền của cá nhân đối với hình ảnh; quyền xác định lại giới tính; chuyển đổi giới tính; quyền kết hôn, ly hôn; quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình; quyền tự do đi lại và cư trú ở trong nước, có quyền ra nước ngoài và từ nước ngoài về nước; quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo; quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín, bí mật cá nhân, bí mật gia đình; quyền suy đoán vô tội.  - Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền dân sự của bản thân và của người khác  - Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền dân sự; phê phán các hành vi vi phạm quyền dân sự. |
| 4.2.2. Nhóm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa | - Nêu được nội dung cơ bản của các quyền: Quyền có chỗ ở và quyền sở hữu nhà ở; Quyền sở hữu thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, quyền thừa kế; Quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ hoạt động đó; quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa  - Tôn trọng quyền của bản thân và của người khác.  - Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế, xã hội và văn hóa. | - Trình bày được nội dung cơ bản của các quyền: quyền có chỗ ở và quyền sở hữu nhà ở; quyền sở hữu thu nhập hợp pháp, của cải để dành, nhà ở, tư liệu sinh hoạt, tư liệu sản xuất, quyền thừa kế; quyền tự do kinh doanh; nghĩa vụ đóng thuế theo luật định; quyền được bảo đảm an sinh xã hội; quyền lao động; quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe, khám bệnh, chữa bệnh; quyền và nghĩa vụ học tập; quyền, nghĩa vụ bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên; quyền và nghĩa vụ bảo vệ di sản văn hóa; quyền nghiên cứu khoa học và công nghệ, sáng tạo văn học, nghệ thuật và thụ hưởng lợi ích từ hoạt động đó; quyền hưởng thụ và tiếp cận các giá trị văn hóa, tham gia vào đời sống văn hóa, sử dụng các cơ sở văn hóa.  - Nêu được chính sách của Nhà nước về công nhận và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ của tổ chức, cá nhân trên cơ sở bảo đảm hài hoà lợi ích của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ với lợi ích công cộng; không bảo hộ các đối tượng sở hữu trí tuệ trái với đạo đức xã hội, trật tự công cộng, có hại cho quốc phòng, an ninh.  - Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác.  - Đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện các quyền về kinh tế xã hội và văn hóa; phê phán các hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa. |
| 4.2.3. Quyền của nhóm xã hội dễ bị tổn thương | - Nêu được được nội dung cơ bản quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương như: quyền của trẻ em, quyền của phụ nữ, quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền của dân tộc thiểu số; quyền của người tị nạn...  - Tôn trọng các quyền của bản thân và của các nhóm người yếu thế khác.  - Nhận xét được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương. | - Trình bày được nội dung cơ bản quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương như: quyền của trẻ em, quyền của phụ nữ; quyền của người khuyết tật; quyền của người cao tuổi; quyền của dân tộc thiểu số; quyền của người tị nạn...  - Tôn trọng, bảo đảm thực hiện và bảo vệ các quyền của bản thân và của người khác.  - Nhận xét, đánh giá được thái độ, hành vi, việc làm của bản thân và người khác trong việc thực hiện quyền của các nhóm xã hội dễ bị tổn thương. |

**5. Hướng dẫn tổ chức thực hiện**

Căn cứ vào khung nội dung quyền con người, các cơ sở giáo dục tiến hành rà soát, phân tích yêu cầu cần đạt trong các chương trình môn học, hoạt động giáo dục để lựa chọn môn học có ưu thế trong việc tích hợp nội dung giáo dục quyền con người. Tùy thuộc vào yêu cầu cần đạt, nội dung giáo dục của các môn học, hoạt động giáo dục, nội dung giáo dục quyền con người có thể được tích hợp ở các mức độ khác nhau như toàn phần, bộ phận, liên hệ:

- Mức độ toàn phần: Nội dung và yêu cầu cần đạt của chủ đề các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp hoàn toàn với nội dung và yêu cầu cần đạt giáo dục quyền con người.

- Mức độ bộ phận: Chỉ có một phần nội dung và yêu cầu cần đạt của chủ đề các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp nội dung và yêu cầu cần đạt giáo dục quyền con người

- Mức độ liên hệ: Nội dung và yêu cầu cần đạt của chủ đề các môn học, hoạt động giáo dục có một số nội dung có thể liên hệ với nội dung và yêu cầu cần đạt giáo dục quyền con người.

Việc tổ chức thực hiện tích hợp nội dung giáo dục quyền con người cần linh hoạt và mềm dẻo, phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường và đảm bảo mục tiêu các môn học, hoạt động giáo dục được xác định theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và toàn diện trong việc giáo dục quyền con người khi triển khai các hoạt động dạy học của môn học, hoạt động giáo dục được triển khai tại các cơ sở giáo dục.

Quan tâm tới các yếu tố về đặc điểm tâm lí, giới tính, lứa tuổi, năng lực học tập, văn hoá vùng miền cũng như niềm tin tôn giáo của học sinh trong việc thiết kế, xây dựng các hoạt động học tập nhằm tăng cường khả năng phân tích, phát hiện, vận dụng để nhận biết các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong thực tiễn cuộc sống.

Phát huy tinh thần tự chủ, tích cực và sáng tạo của giáo viên trong việc xây dựng, tổ chức các hoạt động học tập, giáo dục; tinh thần tự chủ, tự học, tự nghiên cứu tìm hiểu của học sinh; tránh rập khuôn, máy móc khi tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục quyền con người vào các bài học cũng như các hoạt động giáo dục.

Tăng cường việc ứng dụng công nghệ thông tin và internet vào bài học, sử dụng phù hợp các tiện ích sẵn có hoặc tìm tòi phát triển các ứng dụng/công cụ mới nhằm tối đa hoá cơ hội học tập cho học sinh.

1. Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, NXB chính trị quốc gia, H. 2001, trang 134; Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII,* Nxb.Chính trị quốc gia Sự thật, H.2021, trang 173; Chỉ thị 44/CT/TW ngày 20 tháng 7 năm 2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Công tác nhân quyền trong tình hình mới; Hiến pháp năm 2013. [↑](#footnote-ref-1)